



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
SỐ - 05.2024



Hà Nội, tháng 5 năm 2024

BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

SỐ - 05.2024

® Bản tin này được Ban biên tập tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế như WB, ADB, IMF, BIS... ; thông tin kết quả nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngân hàng Nhà nước đã được nghiệm thu trong tháng; thông tin về các hội thảo, tọa đàm khoa học, thư mời viết bài và tham dự hội thảo trong lĩnh vực kinh tế tài chính - ngân hàng của các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học; ấn phẩm khoa học của các nhà xuất bản có uy tín tại Việt Nam và trên thế giới, phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện Chiến lược ngân hàng. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin như là thông tin tham khảo.

Chịu trách nhiệm xuất bản: Viện Chiến lược Ngân hàng
Địa chỉ: 504 Xã Đàn, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội.
Tel: (04) 39366306; Fax: (04) 39361271
Email: vienchienluoc@sbv.gov.vn
Website: <http://khoa hocnganhang.org.vn/>

Hà Nội, tháng 5 năm 2024

MỤC LỤC

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ	4
1. Công ty công nghệ lớn trong tài chính	4
2. Tín dụng từ FinTech và ngân hàng: Họ phản ứng thế nào với chính sách tiền tệ?	5
3. Duy trì vị thế cạnh tranh trong Thời đại số: Tương lai của ngân hàng	8
4. Công nghệ đột phá và tài chính: Phân tích các công ty khởi nghiệp kỹ thuật số ở Châu Phi	9
5. Quy định về quyền riêng tư và cho vay FinTech	11
6. Đo lường tài chính toàn diện kỹ thuật số tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển: Một chỉ số mới	13
NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU	15
FinTech và sự chuyển đổi số của dịch vụ tài chính: hàm ý đối với cấu trúc thị trường và chính sách công (phần cuối)	15
ĐỀ TÀI KHOA HỌC	48
1. Đề tài: Phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	48
2. Đề tài: Giải pháp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài đối với các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	49
ẤN PHẨM KHOA HỌC	52
1. Ngân hàng với tăng trưởng xanh	52
2. Vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay	54
SỰ KIỆN KHOA HỌC	56
1. Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh tế Việt Nam năm 2023 và triển vọng năm 2024: Thúc đẩy tổng cầu để tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới”	56
2. Hội thảo chuyên đề “Nghề ngân hàng trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo”	58
3. Hội thảo phổ biến kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN: “Ứng dụng phương pháp và hệ thống phân tích lợi nhuận đa chiều trong công tác kế toán quản trị tại các ngân hàng thương mại Việt Nam”	60
4. Sự kiện Ngày Chuyển đổi số ngành Ngân hàng năm 2024 với chủ đề: “Mở rộng kết nối và phát triển hệ sinh thái số”	62
THƯ MỜI VIẾT BÀI VÀ THAM DỰ HỘI THẢO, TỌA ĐÀM	67
THÔNG TIN THAM KHẢO	71

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ

1. Công ty công nghệ lớn trong tài chính

- *Nguồn: BIS*
- *Tác giả: Sebastian Doerr, Jon Frost, Leonardo Gambacorta, Vatsala Shreeti*
- *Ngày xuất bản: 10/2023*
- *Từ khóa: Công ty công nghệ lớn, Tài chính toàn diện, Cạnh tranh, Ổn định tài chính, Quyền riêng tư dữ liệu*

Sự gia nhập của các công ty công nghệ lớn vào lĩnh vực dịch vụ tài chính có thể mang lại lợi ích đáng kể về mặt hiệu quả và tài chính toàn diện. Tuy nhiên, các công ty công nghệ lớn cũng có thể nhanh chóng thống trị thị trường, thực hiện hành vi phân biệt đối xử và gây tổn hại đến quyền riêng tư dữ liệu. Điều này dẫn đến những đánh đổi mới giữa các mục tiêu chính sách như ổn định tài chính, cạnh tranh và quyền riêng tư. Các cơ quan quản lý, cả trong nước và quốc tế, đang tích cực làm việc để giải quyết những sự đánh đổi này. Bài viết này cung cấp một cái nhìn tổng quan về tình hình nghiên cứu và tranh luận về chính sách.

Hoạt động của các công ty công nghệ lớn trong lĩnh vực dịch vụ tài chính đang mở rộng nhanh chóng. Nhờ mô hình kinh doanh của mình, dựa trên vòng lặp hoạt động-mạng-dữ liệu (DNA), các công ty công nghệ lớn có thể tạo ra một kho dữ liệu lớn về người dùng. Quyền truy cập vào dữ liệu người dùng cho phép họ cung cấp nhiều dịch vụ tài chính, từ thanh toán đến quản lý tiền, bảo hiểm và cho vay.

Sự tăng trưởng của tín dụng do các công ty công nghệ lớn cung cấp trên toàn cầu phụ thuộc vào đặc điểm cụ thể của từng quốc gia, chẳng hạn như GDP bình quân đầu người, sức mạnh thị trường của ngân hàng, quy định, mức độ dễ dàng kinh doanh và bảo vệ nhà đầu tư. Ở một số thị trường, các công ty công nghệ lớn đã có vai trò quan trọng mang tính hệ thống trong hệ thống tài chính. Vòng lặp DNA đưa ra những cơ hội cùng thách thức. Sự phụ thuộc vào các mạng lưới lớn, dữ liệu phi truyền thống và học máy có thể cải thiện khả năng tiếp cận tài chính, chẳng hạn như trong lĩnh vực tiếp cận

tín dụng. Dữ liệu tốt hơn cũng có thể làm giảm nhu cầu về tài sản thế chấp. Tuy nhiên, các mô hình kinh doanh của công ty công nghệ lớn có thể tạo ra những rủi ro mới: chúng có thể dẫn đến sự thống trị thị trường, phân biệt giá cả, phân biệt đối xử bằng thuật toán và các vấn đề nghiêm trọng về quyền riêng tư.

Do đó, sự trỗi dậy của các công ty công nghệ lớn mang lại sự cân bằng mới và phức tạp giữa các mục tiêu chính sách công: ổn định tài chính, cạnh tranh và quyền riêng tư. Nghiên cứu này nêu ra vai trò của chính sách công là đạt được sự cân bằng hợp lý giữa những cơ hội và những thách thức mới này. Điều này đòi hỏi sự phối hợp nhiều hơn giữa các cơ quan quốc gia và quốc tế, đặc biệt là các ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý tài chính, cũng như các cơ quan bảo vệ dữ liệu và cạnh tranh.

Tải về toàn văn tại đây

Mục Lục

2. Tín dụng từ FinTech và ngân hàng: Họ phản ứng thế nào với chính sách tiền tệ?

- *Nguồn: BIS*
- *Tác giả: Giulio Cornelli, Fiorella De Fiore, Leonardo Gambacorta, Cristina Manea*
- *Ngày xuất bản: 12/2023*
- *Từ khóa: Tín dụng FinTech, Chính sách tiền tệ, PVAR, Kênh thế chấp*

Tín dụng FinTech, bao gồm cho vay ngang hàng và cho vay trên thị trường cũng như cho vay được hỗ trợ bởi các công ty công nghệ lớn, đang chứng kiến sự tăng trưởng nhanh chóng trên toàn thế giới. Tuy nhiên, khả năng phản ứng của nó đối với những thay đổi chính sách tiền tệ phần lớn vẫn chưa được khám phá. Nghiên cứu này sử dụng bộ dữ liệu tín dụng mới trải dài trên 19 quốc gia từ năm 2005 đến năm 2020 và tiến hành phân tích PVAR để làm sáng tỏ phản ứng khác nhau của tín dụng từ FinTech và tín dụng ngân hàng đối với những thay đổi về lãi suất chính sách. Kết quả chính là tín dụng từ FinTech có mức độ nhạy cảm thấp hơn (thậm chí không đáng kể) trước các cú sốc chính sách tiền tệ so với tín dụng ngân hàng. Với tầm quan trọng kinh

tế vĩ mô còn nhỏ - mặc dù đang tăng trưởng nhanh - của tín dụng từ FinTech, đóng góp của nó trong việc giải thích sự biến động của GDP thực tế là dưới 2%, so với khoảng 25% với tín dụng ngân hàng.

Thị trường tín dụng đang trải qua một sự chuyển đổi sâu sắc. Trong khi những người cho vay truyền thống như ngân hàng và hiệp hội tín dụng tiếp tục là nguồn tài chính chủ yếu ở hầu hết các nền kinh tế, với thị trường vốn cũng đóng vai trò quan trọng trong một số trường hợp, các trung gian mới đã bắt đầu tạo được dấu ấn. Đặc biệt, các mô hình cho vay kỹ thuật số như cho vay ngang hàng và cho vay thị trường đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể ở nhiều nền kinh tế trong thập kỷ vừa qua. Trong những năm gần đây, một số công ty nổi tiếng hoạt động dựa trên công nghệ (thường được gọi là "các công ty công nghệ lớn") đã mạo hiểm tham gia vào thị trường tín dụng, cung cấp các khoản vay cho khách hàng của họ trực tiếp hoặc hợp tác với các tổ chức tài chính. Những loại tín dụng mới này, được hỗ trợ bởi nền tảng trực tuyến và dữ liệu lớn để đánh giá mức độ tín nhiệm, thường được gọi là "tín dụng từ FinTech".

Tín dụng từ FinTech đang chứng kiến sự mở rộng nhanh chóng trên toàn cầu và đạt được ý nghĩa kinh tế vĩ mô ở nhiều quốc gia. Tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia và Kenya, tỷ lệ này lên tới 5% tổng tín dụng. Trước xu hướng này, điều cần thiết là phải nghiên cứu xem tín dụng từ FinTech phản ứng như thế nào với chính sách tiền tệ và xác định những khác biệt chính trong cơ chế truyền tải chính sách tiền tệ của nó so với tín dụng ngân hàng.

Các nghiên cứu trước đã chỉ ra ba điểm khác biệt chính giữa tín dụng từ FinTech và từ ngân hàng có thể ảnh hưởng đến phản ứng của chúng trước cú sốc chính sách tiền tệ.

Đầu tiên, thay vì dựa vào tài sản thế chấp vật chất để giải quyết các vấn đề đại diện giữa người cho vay và người đi vay, mô hình kinh doanh tín dụng từ FinTech dựa trên dữ liệu (Gambacorta và cộng sự, 2022). Kết quả là, tín dụng từ FinTech có khả năng đáp ứng thấp hơn đối với biến động giá tài sản được kích hoạt bởi thay đổi trong chính sách tiền tệ.

Thứ hai, các nền tảng FinTech có thể hoạt động trong các khuôn khổ pháp lý khác với khuôn khổ pháp lý quản lý các ngân hàng truyền thống, cho phép họ gia hạn tín dụng theo nhiều điều khoản khác nhau. Hơn nữa, động lực cạnh tranh giữa nền tảng FinTech và các ngân hàng thông thường có thể định hình các dịch vụ tín dụng và phản ứng của họ đối với chính sách tiền tệ theo những cách khác nhau. Khi tín dụng ngân hàng truyền thống trở nên hạn chế hơn do chính sách tiền tệ thắt chặt, các doanh nghiệp có thể giải quyết nhu cầu của mình sang nền tảng FinTech (Hasan và cộng sự, 2023).

Thứ ba, khả năng giám sát và sàng lọc vượt trội của những người cho vay là các công ty công nghệ lớn khiến việc chấm điểm tín dụng của họ rất nhạy cảm với những thay đổi về khối lượng giao dịch và điểm chấm qua mạng của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các công ty trực tuyến (Gambacorta và cộng sự 2022). Do đó, bất kỳ sự thay đổi nào trong chính sách tiền tệ ảnh hưởng đến điều kiện kinh doanh chung đều có thể ảnh hưởng nhanh chóng đến nguồn cung tín dụng. Đặc biệt, khi chính sách tiền tệ được nới lỏng, những người cho vay là các công ty công nghệ lớn có nhiều khả năng thiết lập mối quan hệ cho vay mới với các doanh nghiệp hơn so với các đối tác truyền thống (Huang và cộng sự, 2023). Điều này cho thấy tín dụng từ các công ty công nghệ lớn có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền tải chính sách tiền tệ thông qua biên độ chênh lệch lãi suất lớn so với các khoản vay ngân hàng truyền thống.

Tóm lại, trong khi hai điểm khác biệt đầu tiên cho thấy hiệu quả của chính sách tiền tệ thông qua tín dụng từ FinTech bị suy giảm, thì điểm khác biệt sau lại hàm ý điều ngược lại. Để làm sáng tỏ tác động nào chiếm ưu thế, các tác giả đã sử dụng dữ liệu mới của 19 quốc gia trong giai đoạn 2005-2020 (Cornelli và cộng sự, 2023). tiến hành phân tích Panel VAR (PVAR) để đánh giá phản ứng của tín dụng từ FinTech và ngân hàng trước cú sốc chính sách tiền tệ. Kết quả, các tác giả phát hiện thấy là tín dụng từ FinTech thể hiện khả năng phản ứng giảm (thậm chí không đáng kể) trước các cú sốc chính sách tiền tệ so với tín dụng ngân hàng.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Mục Lục](#)

3. Duy trì vị thế cạnh tranh trong Thời đại số: Tương lai của ngân hàng

- *Nguồn: IMF*
- *Tác giả: Estelle Xue Liu*
- *Ngày xuất bản: 2/2021*
- *Từ khóa: Số hóa, ngân hàng*

Những tiến bộ mới nhất trong công nghệ tài chính đã đặt ra những thách thức chưa từng có đối với các ngân hàng truyền thống hiện nay. Bài viết này phân tích tác động của những thách thức này đối với khả năng cạnh tranh của ngân hàng và khám phá các yếu tố có thể hỗ trợ cho tiến bộ kỹ thuật số trong các ngân hàng. Phân tích cho thấy vai trò dẫn đầu trong thúc đẩy công nghệ tài chính của các ngân hàng đã giảm đi trong những năm gần đây và những nỗ lực không ngừng để bắt kịp kỹ thuật số tiên tiến nhất có thể dẫn đến gia tăng mức độ tập trung của ngành ngân hàng trong khi các ngân hàng quy mô nhỏ và ít hiểu biết về công nghệ hơn gặp khó khăn hơn để tồn tại. Bằng chứng của các quốc gia cho thấy các ngân hàng ở các nền kinh tế có thu nhập cao dường như là những ngân hàng dẫn đầu về kỹ thuật số, có thể hưởng lợi từ cơ sở hạ tầng kỹ thuật số lành mạnh, môi trường pháp lý và kinh doanh vững chắc cùng cạnh tranh lành mạnh. Tuy nhiên, một số tổ chức đi đầu về kỹ thuật số có thể tụt hậu trong áp dụng các công nghệ mới hơn ở những năm tới do hành vi ưa thích cổ hữu của người tiêu dùng đối với các công nghệ cũ hơn, các công ty công nghệ tài chính và công nghệ lớn kém năng động hơn cũng như bảng cân đối kế toán ngân hàng yếu kém.

Bằng cách so sánh tiến bộ kỹ thuật số của các ngân hàng trên toàn thế giới, bài viết này nhận thấy rằng ở các nền kinh tế có thu nhập cao, các ngân hàng là tổ chức chiếm ưu thế trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính kỹ thuật số, trong khi ở các nền kinh tế có thu nhập thấp hơn, các tổ chức phi ngân hàng có thể dẫn đầu tiến trình này.

Bài nghiên cứu cũng tìm hiểu những nguyên nhân tiềm ẩn dẫn đến khoảng cách số trong lĩnh vực ngân hàng giữa các quốc gia. Các phát hiện nhấn mạnh tầm quan trọng của cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phù hợp cũng như môi trường kinh doanh và pháp lý tốt trong

hỗ trợ tiến bộ kỹ thuật số, trong khi bảng cân đối kế toán ngân hàng yếu kém có thể cản trở tiến trình đó. Ngoài ra, sự phát triển của ngành tài chính phi ngân hàng có thể khuyến khích việc áp dụng công nghệ ngân hàng số tiên tiến hơn. Mặc dù ở các nền kinh tế có thu nhập cao, các ngân hàng khá tiên tiến về mặt kỹ thuật số, nhưng một số yếu tố có thể cản trở sự tiến bộ kỹ thuật số hơn nữa, bao gồm việc sử dụng lâu dài các dịch vụ tài chính được cung ứng bởi công nghệ cũ (ví dụ thẻ tín dụng) và bảng cân đối kế toán ngân hàng tương đối yếu hơn.

Những kết quả này chỉ ra rằng một số giải pháp về mặt chính sách có thể giúp các ngân hàng bắt kịp kỹ thuật số tiên tiến nhất. Những giải pháp đó bao gồm đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, thiết lập môi trường kinh doanh vững mạnh với môi trường pháp lý và cạnh tranh lành mạnh ở lĩnh vực công nghệ tài chính phi ngân hàng. Sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số diễn ra ngày càng nhanh chóng, mở rộng khoảng cách kỹ thuật số. Đại dịch Covid-19 đã làm nổi bật tầm quan trọng của dịch vụ số trong mọi hoạt động, kể cả hoạt động ngân hàng. Quá trình chuyển đổi nhanh chóng sang các công nghệ kỹ thuật số do đại dịch thúc đẩy có thể sẽ tiếp tục trong quá trình phục hồi sau đại dịch. Do đó, các quốc gia có tốc độ phát triển chậm về mặt kỹ thuật số sẽ ngày càng thấy mình kém ưu thế hơn, công dân của họ sẽ gặp bất lợi do khả năng tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật số thấp hơn.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Mục Lục](#)

4. Công nghệ đột phá và tài chính: Phân tích các công ty khởi nghiệp kỹ thuật số ở Châu Phi

- *Nguồn: World Bank Group*
- *Tác giả: Marcio Cruz† , Mariana Pereira-Lopez, Edgar Salgado*
- *Ngày xuất bản: 12/7/2023*
- *Từ khóa: Công nghệ số, đột phá, tài chính, khởi nghiệp, kinh doanh.*

Bài nghiên cứu này phân tích mối quan hệ giữa các công nghệ đột phá và khả

năng tiếp cận tài chính của các công ty công nghệ kỹ thuật số ở Châu Phi. Thông qua phân tích văn bản từ dữ liệu của Crunchbase và Pitchbook, bài nghiên cứu phát hiện cách thức các công ty ở các nhóm năm hoạt động khác nhau kết hợp các công nghệ đột phá vào các dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ FinTech và dịch vụ công nghệ thông tin của họ. Bài nghiên cứu sử dụng thông tin này để kiểm tra mối liên hệ giữa quá trình kết hợp này với khả năng và quy mô vốn tài trợ mà các công ty này nhận được. Các phát hiện cho thấy ba hiểu biết quan trọng về các doanh nghiệp công nghệ số khởi nghiệp ở châu Phi. Đầu tiên, ngoại trừ hoạt động thanh toán di động thì những công ty khởi nghiệp này ít có khả năng kết hợp các công nghệ đột phá vào sản phẩm của họ so với các công ty ở Mỹ Latinh và thị trường tiên tiến. Thứ hai, mối liên hệ giữa công nghệ đột phá và nguồn tài trợ biểu hiện yếu hơn ở Châu Phi. Những kết quả này đúng ngay cả khi loại trừ thanh toán di động và sử dụng biến công cụ để giải quyết tính nội sinh tiềm ẩn. Thứ ba, các công ty kết hợp các công nghệ đột phá có xu hướng nhận được nguồn vốn tài trợ sớm hơn, với số vốn ban đầu thấp hơn, nhưng có nhiều khả năng thành công hơn về mặt rút lui khỏi thị trường hoặc tăng trưởng giá trị công ty.

Bài nghiên cứu này phân tích mức độ đột phá của các doanh nghiệp kỹ thuật số ở Châu Phi trong suốt thời gian hoạt động và mối liên hệ với nguồn vốn. Sử dụng dữ liệu từ Crunchbase và thông qua phân tích văn bản, bài nghiên cứu đã xác định được công ty nào kết hợp các công nghệ được coi là đột phá vào sản phẩm và dịch vụ của họ theo phân loại của Bloom và cộng sự (2021), dựa trên báo cáo hội nghị về kết quả hoạt động và thông tin bằng sáng chế của các công ty đó. Bài nghiên cứu đã thu thập dữ liệu ở Châu Phi, Châu Mỹ Latinh và một nhóm các thành phố dẫn đầu công nghệ như Seattle, Palo Alto, London và Tokyo.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ tích hợp đột phá công nghệ vào sản phẩm của các công ty kỹ thuật số châu Phi thấp hơn so với mức độ trên đường biên tối ưu (các công ty đi đầu kỹ thuật số). Tuy nhiên, có rất nhiều sự không đồng nhất giữa các ngành, đặc biệt là khi tính đến thanh toán di động, nhất là trong lĩnh vực FinTech, lĩnh vực mà Châu Phi ở gần đường biên tối ưu hơn đáng kể.

Mặc dù các công ty khởi nghiệp ở Châu Phi có xu hướng đột phá hơn các công ty cũ nhưng mức độ này vẫn thấp hơn nhiều so với mức độ trên đường biên tối ưu. Tuy

nhiên, nghiên cứu quan sát thấy mức độ không đồng nhất lớn trong vòng đời của sự đột phá theo ngành, trong đó FinTech cho thấy một xu hướng khác biệt, đặc biệt là ở Kenya, Nam Phi và Nigeria, những quốc gia có nhiều đột phá hơn từ các công ty lâu năm trong lĩnh vực này. Những kết quả này phù hợp với các đặc điểm khác nhau của ngành, trong đó mức độ tin cậy, cơ sở hạ tầng công nghệ và khả năng kết hợp các sản phẩm khác nhau, cùng với những xung đột pháp lý tiềm ẩn, có thể là những yếu tố quan trọng.

Nghiên cứu cũng nhận thấy rằng, mặc dù sự đột phá có mối tương quan dương với nguồn vốn tài trợ, nhưng mối quan hệ này ở mức yếu hơn so với mức đột phá ở đường biên tối ưu. Ngoài ra, nghiên cứu nhận thấy rằng mặc dù đột phá giúp thu hút nhiều nguồn tài trợ hơn so với không đột phá, nhưng điều này chủ yếu xảy ra ở các công ty lâu đời hơn và dựa trên biên độ mở rộng của vốn tài trợ. Những kết quả này phù hợp với những xung đột tác động đến cả vòng đời và phân bổ vốn tài trợ ở thị trường Châu Phi. Các kết quả bổ sung chỉ ra rằng sự đột phá có liên quan đến nguồn tài trợ trước đó nhưng với mức giá thấp hơn và mức tăng trưởng cao hơn về giá trị cũng như quy mô giao dịch vốn tài trợ tương lai. Một lần nữa, những kết quả này chỉ ra một số điểm không hoàn hảo của thị trường (ví dụ: thất bại về thông tin) liên quan đến việc đánh giá rủi ro giữa các công ty có khả năng đột phá và tăng trưởng cao này, một điều làm hạn chế nguồn vốn tài trợ của họ.

Các phân tích của bài nghiên cứu cung cấp thông tin về vai trò can thiệp của các tổ chức phát triển đa phương trong việc thiết lập thị trường, góp phần giảm thiểu rủi ro cho một số khoản đầu tư này và do đó thúc đẩy tăng trưởng ở các thị trường kém phát triển.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Mục Lục](#)

5. Quy định về quyền riêng tư và cho vay FinTech

- *Nguồn: BIS*
- *Tác giả: S. Doerr, L. Gambacorta, L. Guiso, M. Sanchez del Villar*
- *Ngày xuất bản: 06/2023*

- *Từ khóa: Bảo mật dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, công nghệ tài chính, quy định về quyền riêng tư, CCPA*

Các cá nhân lo ngại về việc chia sẻ dữ liệu, nhưng nếu không có quyền truy cập vào thông tin cá nhân, các công ty FinTech sử dụng nhiều dữ liệu sẽ không thể phát triển và người tiêu dùng cũng không được hưởng lợi từ dịch vụ của các FinTech. Quy định bảo vệ quyền riêng tư được thiết kế tốt cần phải giải quyết xung đột này. Bài viết này nghiên cứu xem Đạo luật về quyền riêng tư của người tiêu dùng California (California Consumer Privacy Act - CCPA), một đạo luật về quyền riêng tư được ban hành vào năm 2020 cho phép người dùng quyền kiểm soát dữ liệu và giảm thiểu những lo ngại về việc chia sẻ chúng, ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động cho vay của ngân hàng và FinTech trên thị trường cho vay thế chấp. Sử dụng hồi quy sai biệt kép để so sánh các quận dọc biên giới California, chúng tôi nhận thấy rằng CCPA có tác động làm tăng số lượng đơn xin vay vốn của các công ty FinTech nhiều hơn đáng kể so với các ngân hàng, giúp nâng thị phần của các công ty FinTech lên 19%. Nhất quán với quy trình sàng lọc được cải tiến do người nộp đơn vay vốn sẵn sàng chia sẻ dữ liệu hơn, FinTech thực hiện định giá khoản vay theo cá nhân, từ chối các đơn xin vay vốn nhiều hơn và tăng cường sử dụng dữ liệu phi truyền thống. Đổi lại, các công ty FinTech có thể đưa ra lãi suất cho vay thấp hơn đáng kể so với các ngân hàng sau khi CCPA được áp dụng.

Các trung gian tài chính và đặc biệt là các công ty FinTech có ưu thế vượt trội về xử lý dữ liệu. Tuy nhiên, người tiêu dùng lo ngại họ sẽ bị mất quyền riêng tư về dữ liệu trong quá trình các trung gian tài chính thu thập và xử lý dữ liệu. Lo ngại này có thể ngăn cản các cá nhân chia sẻ dữ liệu của họ và làm chậm quá trình sự phát triển của các trung gian tài chính, đặc biệt là các FinTech và xa hơn, hạn chế những lợi ích đối với người tiêu dùng. Vì vậy, các quy định pháp lý về quyền riêng tư cần đạt được sự cân bằng giữa việc bảo vệ quyền riêng tư của người dùng mà vẫn không làm giảm đi lợi ích thu được từ việc thu thập và xử lý dữ liệu của các bên trung gian. Bài nghiên cứu xem xét tác động của Đạo luật về quyền riêng tư của người tiêu dùng California (California Consumer Privacy Act – CCPA) ban hành năm 2020 trong thị trường cho vay thế chấp.

Triết lý của CCPA là cấp cho người tiêu dùng quyền kiểm soát dữ liệu của họ, từ đó giảm thiểu những lo ngại về xâm phạm quyền riêng tư. Đổi lại, Đạo luật làm cho người dùng sẵn sàng chia sẻ thông tin của họ nhiều hơn. Thông qua việc so sánh FinTech với các ngân hàng ở các quận dọc theo cả hai bên biên giới California, bài nghiên cứu phát hiện ra rằng việc cho phép người tiêu dùng có nhiều quyền kiểm soát hơn đối với dữ liệu của họ đã khuyến khích họ sử dụng các dịch vụ của FinTech, giúp làm tăng thị phần của FinTech lên 19%. Như vậy, luật bảo vệ quyền riêng tư của người tiêu dùng có thể đạt được cả hai mục tiêu, vừa giúp tăng cường khả năng kiểm soát dữ liệu của người dùng vừa khuyến khích họ chia sẻ dữ liệu trong quá trình sử dụng các dịch vụ tài chính. Do đó, CCPA có thể được coi là một sáng kiến thành công và là một bài học quan trọng cho các bang của Hoa Kỳ và quốc gia khác trong việc thiết kế và thực hiện các quy định pháp lý về quyền riêng tư.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Mục Lục](#)

6. Đo lường tài chính toàn diện kỹ thuật số tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển: Một chỉ số mới

- *Nguồn: IMF*
- *Tác giả: Purva Khera, Stephanie Ng, Sumiko Ogawa, Ratna Sahay*
- *Ngày xuất bản: 03/2021*
- *Từ khóa: Công nghệ tài chính, dịch vụ tài chính kỹ thuật số, tài chính toàn diện.*

Việc áp dụng công nghệ trong ngành dịch vụ tài chính đã tăng tốc trong những năm gần đây. Để đánh giá một cách có hệ thống và toàn diện phạm vi và mức độ của tài chính toàn diện được hỗ trợ bởi công nghệ, chúng tôi phát triển một chỉ số tài chính toàn diện kỹ thuật số mới. Chỉ số này dựa trên dữ liệu thanh toán của 52 quốc gia đang phát triển trong năm 2014 và 2017, có tính đến cả khía cạnh tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính kỹ thuật số (DFS). Chỉ số này sau đó được kết hợp với các thước đo truyền thống về tài chính toàn diện và tổng hợp thành một chỉ số tổng thể về tài chính toàn

diện. Có hai phát hiện chính: thứ nhất, việc áp dụng công nghệ trong ngành dịch vụ tài chính đã trở thành động lực chính thúc đẩy tài chính toàn diện. Thứ hai, có sự khác biệt lớn giữa các quốc gia và khu vực về tài chính toàn diện kỹ thuật số, với sự tiên bộ lớn nhất được ghi nhận ở Châu Phi, Châu Á và khu vực Thái Bình Dương. Chỉ số này sẽ cung cấp một công cụ phân tích hữu ích cho các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách.

Bài nghiên cứu tổng hợp một loạt các chỉ tiêu để xây dựng một thước đo mới về tài chính toàn diện kỹ thuật số. Phạm vi nghiên cứu là các quốc gia nơi các dịch vụ tài chính kỹ thuật số đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính cho người dân. Dữ liệu được khai thác từ Global Findex của Ngân hàng Thế giới về việc sử dụng tiền di động và các dịch vụ tài chính trực tuyến và từ FAS của Quỹ tiền tệ quốc tế về truy cập vào tài khoản tiền di động và bổ sung thêm dữ liệu về truy cập vào tài khoản di động các đại lý. Bài nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích thành phần chính ba giai đoạn để xác định trọng số của từng chỉ số. Giai đoạn đầu tiên tính toán các chỉ số phụ về truy cập và sử dụng; giai đoạn thứ hai, các chỉ số phụ này được kết hợp thành các chỉ số tài chính toàn diện truyền thống và chỉ số tài chính toàn diện kỹ thuật số; giai đoạn thứ ba kết hợp có trọng số của những chỉ số này thành một thước đo toàn diện về tài chính toàn diện. Các chỉ số chỉ ra rằng hầu hết trong số 52 nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đều có sự cải thiện về tài chính toàn diện kỹ thuật số trong giai đoạn 2014-2017, đặc biệt là ở các quốc gia ở Châu Phi và Châu Á và Thái Bình Dương. Tài chính toàn diện, có tính đến cả hai khía cạnh truyền thống và kỹ thuật số, được cải thiện ở hầu hết các quốc gia trong cùng thời kỳ, tuy nhiên ở một số quốc gia, sự cải tiến hoàn toàn được thúc đẩy thông qua các giải pháp kỹ thuật số. Kết hợp các chỉ số tài chính toàn diện kỹ thuật số trong thước đo tổng thể về tài chính toàn diện mang lại những đánh giá chính xác hơn về sự khác biệt trong tài chính toàn diện giữa các quốc gia.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Mục Lục](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

FinTech và sự chuyển đổi số của dịch vụ tài chính: hàm ý đối với cấu trúc thị trường và chính sách công (phần cuối)

Biểu đồ 11 so sánh các quy định trước đây của ngành với các biện pháp can thiệp sau cạnh tranh. Ví dụ: hai nhà cung cấp dịch vụ thanh toán di động lớn nhất ở Trung Quốc đã đạt tổng thị phần là 94% vào năm 2019 (FSB 2019). Các nhà chức trách lo ngại rằng điều này cũng có thể gây ra rủi ro hệ thống nghiêm trọng nếu một nhà cung cấp như vậy bị suy yếu. Năm 2018, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBC) đã triển khai quy định thanh toán di động mới yêu cầu tất cả các khoản thanh toán di động phải được xử lý thông qua PBC thay vì thanh toán nội bộ trong nhà cung cấp nền tảng thanh toán di động (Liu 2019). Bằng cách này, cách tiếp cận trước theo từng ngành cụ thể có thể giải quyết các mối quan ngại thay vì chờ đợi sự điều chỉnh sau đó.

Sự tương tác giữa các quy định trước đây của ngành và các biện pháp can thiệp sau của cơ quan quản lý cạnh tranh Đồ thị 11

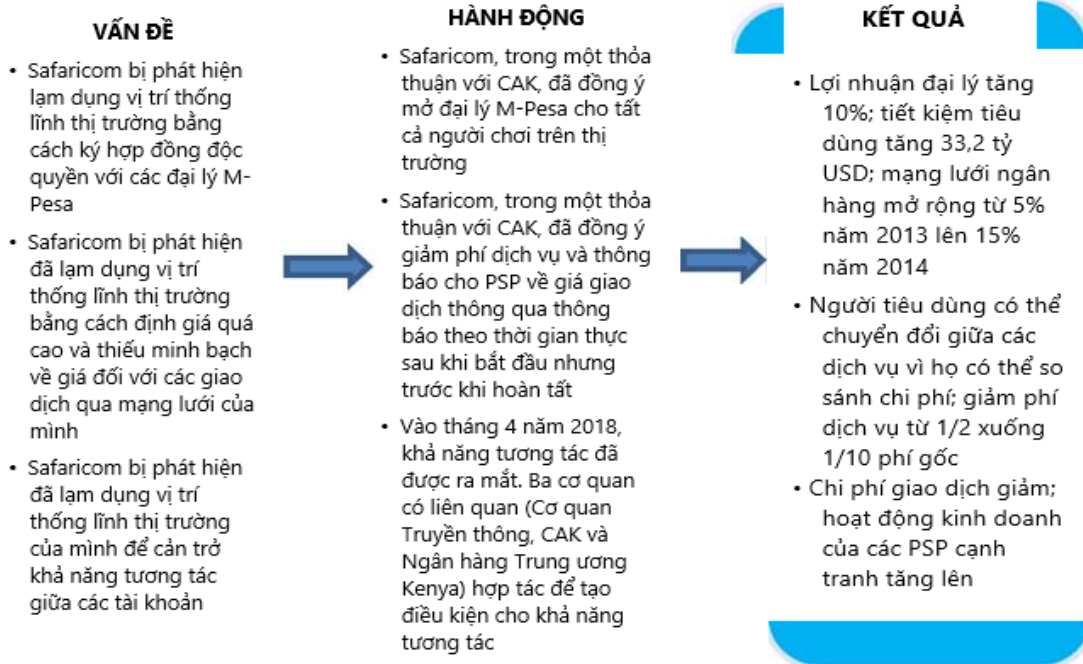
Quy định cụ thể theo ngành		Cơ quan cạnh tranh
Tăng trưởng có trật tự của ngành dẫn đến phúc lợi người tiêu dùng	 MỤC TIÊU CHÍNH	Phúc lợi người tiêu dùng và hạn chế quyền lực độc quyền
Các lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế	 TẬP TRUNG	Toàn bộ nền kinh tế thị trường
Từ trước	 CÁCH THỨC	Sau
Cho doanh nghiệp biết 'phải làm gì' và 'cách định giá sản phẩm'	 PHƯƠNG PHÁP	Nói với doanh nghiệp những điều không nên làm
Điều tiết việc tiếp cận, xử lý, giảm bớt rào cản gia nhập, thay đổi cơ cấu thị trường, tạo điều kiện cạnh tranh	 VẤN ĐỀ XỬ LÝ	Ảnh hưởng đến hành vi của các đơn vị, duy trì sự cạnh tranh

Trong khi các dịch vụ tài chính tổng thể có thể vẫn mang tính cạnh tranh, ở một số phân khúc sản phẩm cụ thể, độc quyền hoặc bán độc quyền có thể xuất hiện. Một số dịch vụ, chẳng hạn như sản giao dịch, có tính kinh tế về quy mô và mạng lưới vốn có nên chỉ có thể tạo ra một số rất ít nhà cung cấp khả thi. Mặc dù điều này không phải là mới, nhưng sự gia nhập của các công ty từ các không gian lân cận hoặc việc đưa các dịch vụ tài chính vào các sản phẩm phi tài chính có nghĩa là cấu trúc thị trường của các ngành đó trở nên phù hợp. Một công ty dịch vụ tiện ích hoặc hậu cần độc quyền có thể yêu cầu khách hàng sử dụng công cụ thanh toán tích hợp của mình. Nó cũng có thể nhúng các dòng vốn lưu động mà hầu hết khách hàng không thể có được từ những người cho vay khác, những người không có dữ liệu và đòn bẩy của các nhà cung cấp này. Điều này sẽ cho phép họ thống trị một cách hiệu quả phân khúc dịch vụ tài chính nhờ quyền kiểm soát nắm giữ trong ngành cơ bản. Sự dịch chuyển của các nhà khai thác mạng di động tập trung cao vào thanh toán, thường thiết lập mạng lưới đại lý độc quyền của riêng họ, là một ví dụ về cách một người chơi từ thị trường lân cận tập trung được quản lý về mặt cạnh tranh có thể chuyển cấu trúc thị trường đó sang khu vực sản phẩm tài chính nơi quy định chưa phù hợp với vấn đề đó. Kenya cung cấp một nghiên cứu điển hình về phản ứng pháp lý đối với cấu trúc thị trường tập trung và các hành vi phản cạnh tranh trong thanh toán kỹ thuật số (xem Hộp C).

Cạnh tranh trong thanh toán kỹ thuật số: trường hợp của Kenya

Hộp C

Cơ quan quản lý Cạnh tranh Kenya (CAK) là một cơ quan nhà nước và được thành lập theo Đạo luật Cạnh tranh số 12 năm 2010. Cơ quan này có nhiệm vụ thúc đẩy và bảo vệ cạnh tranh trong nền kinh tế quốc gia bằng cách thực thi hiệu quả luật và quy định cạnh tranh trong toàn nền kinh tế, để mở cửa các thị trường bằng cách ủng hộ việc loại bỏ các quy định khu vực phản cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng và nhà cung cấp. CAK đã can thiệp vào một số vụ việc trong ngành. Liên quan cụ thể đến thị trường thanh toán kỹ thuật số, các hình dưới đây báo cáo các vấn đề đã được xác định, các hành động chính sách được thực hiện và kết quả đạt được.



Nguồn: Adapted from Bossone and Natarajan (2021).

Việc phổ biến các sản phẩm mới không phải lúc nào cũng dẫn đến cạnh tranh ở mọi cấp độ trong chuỗi giá trị được cơ cấu lại. Phương thức thanh toán cuối cùng hướng tới người tiêu dùng đã trở nên đa dạng hơn, với nhiều loại ví, các chương trình thẻ liên kết và thẻ trả trước cũng như các dịch vụ thanh toán nhúng. Tuy nhiên, ở cấp độ xử lý giao dịch cơ bản, có sự độc quyền nhóm ở nhiều thị trường. Năm 2016, Cơ quan quản lý hệ thống thanh toán Vương quốc Anh (PSR) đã xem xét quyền sở hữu và khả năng cạnh tranh của cơ sở hạ tầng hỗ trợ ba hệ thống thanh toán chính của Vương quốc Anh - BACS, Dịch vụ thanh toán nhanh hơn và LINK - và nhận thấy không có sự cạnh tranh hiệu quả trong việc cung cấp cơ sở hạ tầng thanh toán của Vương quốc Anh (PSR Vương quốc Anh 2016). Nhiều biện pháp khác nhau đã được đề xuất để tăng cường cạnh tranh và loại bỏ

các rào cản gia nhập.

Một thách thức tương tự đang nổi lên trong bối cảnh API và ngân hàng mở. Kết nối sau-cuối với API để hỗ trợ trao đổi dữ liệu là một hoạt động kinh doanh có khối lượng lớn nhưng lợi nhuận thấp. Nhưng vì mỗi ngân hàng có thể có các thông số API khác nhau nên một nhà cung cấp cụ thể, chẳng hạn như một công ty khởi nghiệp về công nghệ tài chính, có thể tồn kém trong việc phát triển kết nối với mọi người. Việc tổng hợp xảy ra ở cấp độ phần mềm trung gian thông qua những người chơi như Plaid, Tink và Yodlee. Chúng đang nổi lên như các mạng kết nối API thống trị, một lớp có khả năng độc quyền nhóm ở điểm nghẽn giữa các phân khúc cạnh tranh hơn. Ngay cả ở những thị trường nơi API được tiêu chuẩn hóa, các trung tâm API đang nổi lên nhằm đơn giản hóa các yêu cầu về giao diện.

Mặc dù việc tách nhóm sẽ có xu hướng giảm bớt sự ràng buộc sản phẩm phản cạnh tranh, nhưng việc tái tổng hợp và nhúng có khả năng đặt sự ràng buộc vào trung tâm kinh tế sản phẩm tài chính. Cụ thể, các mô hình nền tảng kết hợp các dịch vụ miễn phí có hiệu ứng mạng lưới với các dịch vụ tài chính có thể thể hiện chính xác loại tình huống mà các cơ quan chống độc quyền quan tâm khi thiết lập các quy tắc chống ràng buộc: rằng nhà cung cấp độc quyền một dịch vụ có thể yêu cầu khách hàng sử dụng các sản phẩm khác của họ. Do đó, một nền tảng mạng xã hội thống trị có vị trí gần như độc quyền đối với kết nối của các doanh nghiệp địa phương nhỏ với khách hàng của họ có thể nhúng các khoản thanh toán vào trải nghiệm kết nối mạng xã hội và gây khó khăn cho khách hàng khi thanh toán cho doanh nghiệp thông qua bất kỳ thứ gì khác ngoài sản phẩm thanh toán của mạng. Mạng xã hội càng thống trị thì doanh nghiệp càng cần có mặt trên nền tảng đó, giảm thiểu sự cạnh tranh trong việc chấp nhận thanh toán một cách hiệu quả. Các công ty công nghệ thống trị đã vi phạm các quy định chống ràng buộc (ví dụ: Apple, Microsoft). Mặc dù các cơ quan quản lý đã chuyển từ việc coi các thỏa thuận ràng buộc là bất hợp pháp và tập trung nhiều hơn vào phân tích quy tắc hợp lý xem xét cả lợi ích và chi phí tiềm ẩn của việc ràng buộc, những phân tích này

chắc chắn sẽ được kiểm tra khi việc ràng buộc các dịch vụ tài chính chuyển từ không gian "ngoại lệ của sản phẩm ngân hàng truyền thống" sang lĩnh vực bigtech và tài chính nhúng.

Cấu trúc thị trường tập trung dữ liệu và tăng cường hiệu ứng mạng có thể giảm chi phí trung gian và mở rộng khả năng bao trùm. Tuy nhiên, tại nhiều thị trường, sức mạnh thị trường có được có thể được coi là có hại nhiều hơn những lợi ích này. Ví dụ: vào tháng 11 năm 2020, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã kiện để ngăn chặn đề xuất sáp nhập Visa, một công ty thanh toán và Plaid, một nền tảng tổng hợp dữ liệu FinTech; việc sáp nhập đã bị hủy bỏ vào đầu năm 2021. Các cơ quan quản lý Trung Quốc gần đây đã giải quyết những lo ngại về các hành vi phản cạnh tranh nhằm loại trừ các đối thủ cạnh tranh trong các dịch vụ kỹ thuật số liên quan như thương mại điện tử và truyền thông xã hội khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng (McMorrow 2021). Giống như trong các ngành khác, các cơ quan quản lý sẽ phải cân bằng giữa hiệu quả của độc quyền tự nhiên và việc hạn chế sức mạnh thị trường. Đây không phải là một vấn đề mới cần cân nhắc trong lĩnh vực dịch vụ tài chính mà chỉ là một trong nhiều sự đánh đổi ngày càng trở nên rõ ràng hơn khi công nghệ định hình lại các dịch vụ tài chính.

Các xã hội khác nhau cũng sẽ có những ưu tiên khác nhau đối với kết quả của cấu trúc thị trường. Chính sách quản lý điều chỉnh việc gia nhập và phạm vi hoạt động của những người chơi mới, từ các công ty FinTech nhỏ đến các nền tảng công nghệ lớn, sẽ có tác động sâu sắc đến động lực cạnh tranh cả trong dịch vụ tài chính và các ngành cốt lõi của những người chơi chéo. FinTech và bigtech sẽ đòi hỏi những thay đổi cách các cơ quan quản lý cạnh tranh và cơ quan quản lý tài chính tương tác, đồng thời kêu gọi sự phối hợp nhiều hơn giữa các cơ quan quản lý (Petrulia và cộng sự 2019). Các cách tiếp cận chính sách cạnh tranh rất khác nhau giữa các xã hội. Một số xã hội có thể hoan nghênh các cấu trúc thị trường tập trung dữ liệu và tăng cường hiệu ứng mạng nếu chúng giảm chi phí trung gian và mở rộng sự hòa nhập. Ở các thị trường khác, sức mạnh thị trường có

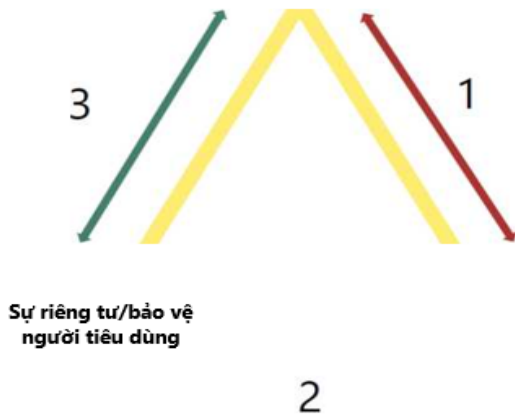
được có thể được coi là bất lợi nhiều hơn những lợi ích này. Việc tập trung cơ sở hạ tầng và dữ liệu vào tay nhà nước có thể được chấp nhận ở một số xã hội, trong khi những xã hội khác có thể lo ngại hơn về khả năng mở rộng giám sát của nhà nước. Giống như trong các ngành khác, các cơ quan quản lý sẽ phải cân bằng giữa hiệu quả của độc quyền tự nhiên và việc hạn chế sức mạnh thị trường. Đây không phải là một vấn đề mới cần cân nhắc trong lĩnh vực dịch vụ tài chính mà chỉ là một trong nhiều sự đánh đổi ngày càng trở nên rõ ràng hơn khi công nghệ định hình lại các dịch vụ tài chính.

4.3. Các khía cạnh mới trong việc đánh đổi chính sách điều tiết tài chính

Đổi mới kỹ thuật số vì vậy có thể làm nảy sinh sự đánh đổi phức tạp giữa ba loại mục tiêu chính sách. Đó là: (i) ổn định tài chính và toàn vẹn thị trường; (ii) hiệu quả và cạnh tranh; và (iii) quyền riêng tư dữ liệu và bảo vệ người tiêu dùng. Biểu đồ 12 thể hiện trực quan những sự đánh đổi này dưới dạng hình tam giác. Phần cuối cùng này lần lượt thảo luận về ba cạnh của tam giác - và loại chính sách nào mà các cơ quan quản lý đang áp dụng để giảm thiểu những đánh đổi này.

Sự đánh đổi chính sách từ chuyển đổi số trong tài chính

Đồ thị 12



1. Sự đánh đổi giữa ổn định và cạnh tranh “truyền thống”
2. Tiếp cận dữ liệu của các nhà cung cấp tư nhân so với việc ẩn danh (ví dụ: khả năng tiếp cận tín dụng tốt hơn/tệ
3. Truy cập dữ liệu cho các mục tiêu quản lý so với ẩn danh (ví dụ: AML/CFT, dữ liệu giám sát)

Nguồn phân tích của các tác giả.

Hiệu quả và cạnh tranh so với sự ổn định và toàn vẹn tài chính

Các cơ quan quản lý từ lâu đã tranh luận về mối quan hệ giữa cạnh tranh và ổn định tài chính. Nhìn chung có hai trường phái tư duy về mối quan hệ cạnh tranh-ổn định (mũi tên màu đỏ trong Biểu đồ 12). Một trường phái lập luận rằng việc gia nhập thị trường nhiều hơn, hoặc ít nhất là khả năng cạnh tranh, trong lĩnh vực tài chính là điều đáng mong muốn, vì nó thúc đẩy cạnh tranh và làm giảm quyền lực thị trường của các công ty truyền thống. Điều này có thể dẫn đến hiệu quả cao hơn và kết quả tốt hơn cho khách hàng. Nó cũng có thể dẫn đến các hoạt động đa dạng hơn (Amidu và Wolfe 2013) và ít tổ chức riêng lẻ có tầm quan trọng mang tính hệ thống và phải được coi là "quá lớn để thất bại". Tầm quan trọng hệ thống có thể đặt ra những thách thức về quản trị và rủi ro đạo đức, cũng như khu vực tài chính, về tổng thể, lớn hơn mức tối ưu về mặt kinh tế (Feldman 2010). Một trường phái khác nhấn mạnh rằng cạnh tranh nhiều hơn không phải lúc nào cũng tối ưu hoặc có lợi cho sự ổn định tài chính. Các tổ chức tài chính có lợi nhuận cao hơn có thể tích lũy được nhiều vốn cổ phần hơn, có giá trị nhượng quyền cao hơn và do đó hành động thận trọng hơn (Keeley 1990). Điều này có thể xảy ra ít nhất

đến mức họ phải gánh chịu rủi ro đạo đức do trở nên quá lớn để có thể thất bại. Điều này có thể hàm ý rằng một số rào cản gia nhập được coi là hợp lý để giúp giảm thiểu rủi ro (Hellman và cộng sự 2000). Điều này có thể đặc biệt đúng trong giai đoạn chuyển đổi thị trường nhanh chóng. Những người mới tham gia có thể nhắm mục tiêu vào các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao hoặc hút lấy những khách hàng có lợi nhuận cao nhất, khiến những công ty truyền thống phải chịu lỗ và hoạt động kinh doanh rủi ro hơn. Các cơ quan quản lý có thể xem việc các công ty truyền thống điều chỉnh sang áp dụng công nghệ mới, hợp nhất hoặc rút lui với tốc độ gia nhập chậm hơn hoặc giảm bớt cạnh tranh là biện pháp duy trì phúc lợi tốt hơn so với việc rút lui nhanh chóng và có khả năng gây rối loạn.

Sự gia nhập của FinTech và bigtech có thể kích hoạt những hiệu biết hiện có trong đầu họ. Đặc biệt, giả định rằng sự gia nhập làm tăng tính cạnh tranh có thể không còn đúng trong môi trường được tăng cường bởi vòng phản hồi DNA (xem Hộp B). Mặc dù có sự nhất trí rằng khả năng cạnh tranh có ảnh hưởng lớn đối với mức độ cạnh tranh tổng thể (Claessens 2009), và lượng người cạnh tranh được đại diện bởi phía dịch vụ ngách nhỏ của tạ chuông sẽ có xu hướng duy trì ít nhất một số áp lực cạnh tranh đối với những người chơi lớn hơn, các công ty công nghệ lớn. với quyền kiểm soát các nền tảng kỹ thuật số quan trọng trong thương mại điện tử, công cụ tìm kiếm hoặc truyền thông xã hội có thể thiết lập và củng cố sức mạnh thị trường rất nhanh sau khi gia nhập. Việc kiểm soát như vậy cũng có thể tạo ra xung đột lợi ích khi cả các công ty công nghệ lớn và đối thủ cạnh tranh của họ (ví dụ như ngân hàng) đều dựa vào cùng cơ sở hạ tầng cốt lõi như mạng hoặc dịch vụ điện toán đám mây.

Sự tập trung truyền thống của các cơ quan quản lý cạnh tranh vào một thị trường duy nhất, quy mô doanh nghiệp, giá cả và sự tập trung có thể không còn phù hợp với những kết quả thị trường này nữa. Thật vậy, các nền tảng kỹ thuật số theo đuổi tăng trưởng hơn lợi nhuận và dữ liệu hơn doanh thu có thể không được nắm

bắt tốt bởi các biện pháp chính sách cạnh tranh tập trung vào giá cả và phúc lợi người tiêu dùng (Khan 2017). Mặc dù các chỉ số về sức mạnh thị trường như thị phần lớn và tỷ suất lợi nhuận cao cung cấp những dấu hiệu hữu ích đầu tiên nhưng chúng không đủ để xác định liệu nhà cung cấp có sức mạnh thị trường hay không và có động cơ lạm dụng nó hay không. Hơn nữa, tốc độ thay đổi cơ cấu thị trường đặt ra những thách thức, vì các công ty có thể đi từ “quá nhỏ để quan tâm” đến “quá lớn để bỏ qua” đến “quá to để thất bại” chỉ trong vài năm ngắn ngủi (Arner et al 2017). Điều này đặc biệt rõ ràng với sự phát triển của các công ty công nghệ lớn ở Trung Quốc, nhưng sự tăng trưởng tương tự cũng đang được thấy ở nhiều thị trường khác, đặc biệt là EMDE. Các công ty nước ngoài lớn nói riêng có thể trở nên "quá quyền lực để quản lý và giám sát". Các hành động khắc phục sau, như các chính sách chống độc quyền và sáp nhập truyền thông, có thể không đủ để giải quyết rủi ro.

Đây có thể là lý do khiến một số khu vực pháp lý đã nâng cấp các quy tắc và phương pháp đánh giá và giải quyết hành vi phản cạnh tranh. Ví dụ, ở Ấn Độ, các nền tảng thương mại điện tử chính bị cấm bán sản phẩm do các công ty liên kết cung cấp trên trang web của họ - bao gồm cả các sản phẩm tài chính - để tránh xung đột lợi ích tiềm ẩn (BIS 2019). Tại EU, các đề xuất về Đạo luật thị trường kỹ thuật số (DMA) và Đạo luật dịch vụ kỹ thuật số (DSA) bao gồm các yêu cầu trước về "người gác cổng" để ngăn chặn việc tự ưu tiên và kết hợp hoặc ràng buộc cũng như các yêu cầu trên "nền tảng rất lớn" xung quanh các quy trình báo cáo, đánh giá rủi ro, và xử lý khủng hoảng (Ủy ban Châu Âu 2020a,b). Tại Vương quốc Anh, Hội đồng chuyên gia cạnh tranh kỹ thuật số ("Báo cáo Furman," Kho bạc HM 2019) đã khuyến nghị thành lập một đơn vị về thị trường kỹ thuật số để phát triển quy tắc ứng xử cạnh tranh, cho phép di chuyển dữ liệu cá nhân tốt hơn và nâng cao tính mở của dữ liệu. Tại Hoa Kỳ, ủy ban Hạ viện Hoa Kỳ (2020) đã khuyến nghị các quy tắc nhằm ngăn chặn sự phân biệt đối xử, thiên vị và tư lợi, đồng thời tăng cường và thực thi luật chống độc quyền. Trong khi đó, tại Trung Quốc, Cơ quan Quản lý Nhà nước về Điều tiết Thị trường (SAMR) đã công bố dự

thảo hướng dẫn về các biện pháp chống độc quyền đối với các công ty internet (bao gồm cả các công ty công nghệ lớn), đề xuất ngăn chặn các hành vi phản cạnh tranh như điều khoản độc quyền, phân biệt giá cả và rào cản thị trường (Restoy 2021)¹⁴

Có thể có những thách thức về tính ổn định trong kết quả kiểu tạ chuông đối với cả người chơi lớn và nhỏ. Giống như trong mối quan hệ cạnh tranh-ổn định truyền thống, giá trị nhượng quyền lớn hơn có thể tạo ra động cơ khuyến khích những người chơi lớn hành động thận trọng và giảm thiểu rủi ro (chẳng hạn như những vấn đề liên quan đến an ninh mạng, nơi chuyên môn của các công ty công nghệ lớn rất rõ ràng). Tuy nhiên, tầm quan trọng mang tính hệ thống (quá lớn để thất bại) có thể kéo theo những rủi ro cấp bách đối với sự ổn định tài chính. Trong khi đó, những công ty nhỏ, chuyên biệt có thể giúp phục vụ các phân khúc thị trường cụ thể, nhưng việc họ thiếu sự đa dạng cũng có thể đồng nghĩa với việc kém ổn định hơn. Các nhà cung cấp thị trường ngách sẽ không có sự đa dạng để sống sót sau cú sốc nhu cầu ảnh hưởng đến phân khúc của họ và một phân khúc thị trường cụ thể chỉ phụ thuộc vào một vài nhà cung cấp thị trường ngách có thể bị ảnh hưởng nặng nề khi một nhà cung cấp chuyên biệt rút lui. Ngoài ra, chi phí mà các cơ quan quản lý phải bỏ ra để giám sát một cách hiệu quả một số lượng lớn các công ty nhỏ là rất lớn; điều này sẽ đặc biệt nặng nề đối với nhiều EMDE.

Các cơ quan quản lý cũng có thể cần xem lại các quy định hiện hành về mối quan hệ giữa các hoạt động ngân hàng và thương mại. Ở một số khu vực pháp lý (ví dụ như Vương quốc Anh và Nhật Bản), thông thường các tổ chức phi tài chính sở hữu các công ty con của tổ chức tài chính, trong khi ở các quốc gia khác (ví dụ như Hoa Kỳ) có sự tách biệt rõ ràng giữa ngân hàng và thương mại. Khi ranh giới giữa dịch vụ tài chính kỹ thuật số và các dịch vụ khác mờ nhạt, có thể sẽ xuất hiện những thách thức mới. Ví dụ: liệu một công ty công nghệ lớn hợp tác với một ngân hàng nhỏ và cung cấp dịch vụ tài chính có quyền gián tiếp tác động đến các

quyết định cho vay mà không cần phải có cổ phần sở hữu không? Liệu việc trợ cấp chéo các dịch vụ tài chính và phí tài chính có gây ra rủi ro hệ thống, từ khía cạnh “thực” hay khía cạnh tài chính của các liên kết đó không? Những khía cạnh này và các khía cạnh khác có thể cần được chú ý thêm.

Hiệu quả và cạnh tranh so với quyền riêng tư và bảo vệ người tiêu dùng

Khi dữ liệu trở thành một nguồn sức mạnh thị trường thậm chí còn quan trọng hơn, sự đánh đổi giữa hiệu quả/cạnh tranh và quyền riêng tư/bảo vệ người tiêu dùng sẽ nảy sinh. Điều này được thể hiện bằng phần màu xanh lam trong Biểu đồ 12 và có ý nghĩa đối với tài chính toàn diện và cấu trúc thị trường.

Khối lượng và loại dữ liệu khổng lồ cung cấp sức mạnh cho việc giới thiệu các dịch vụ tài chính mới có những đặc điểm độc đáo. Một khía cạnh đặc biệt của việc sử dụng dữ liệu lớn làm đầu vào cho sản xuất là dữ liệu có thể được sử dụng đồng thời nhiều lần và bởi bất kỳ số lượng doanh nghiệp nào mà không bị cạn kiệt. Điều này được gọi là "tính không cạnh tranh." Dữ liệu thường được tạo ra với chi phí cận biên bằng 0 dưới dạng sản phẩm phụ của các dịch vụ kỹ thuật số khác. Việc tái sử dụng và trao đổi dữ liệu có thể tạo ra các kết quả phúc lợi lớn, nhưng cơ chế thị trường có thể dẫn đến việc tái sử dụng và trao đổi ở dưới mức tối ưu (Ngân hàng Thế giới 2021).

Việc nhà cung cấp kiểm soát dữ liệu khách hàng của họ sẽ duy trì quyền riêng tư nhưng có thể làm giảm sự cạnh tranh. Tính không cạnh tranh của dữ liệu có thể tạo ra lợi nhuận ngày càng tăng cho dữ liệu ở cả quy mô và phạm vi (Farboodi và cộng sự 2019; Boissay và cộng sự 2021). Bất kỳ một dữ liệu bổ sung nào (ví dụ: thông tin thanh toán hoặc đánh giá của khách hàng về sản phẩm của công ty) đều có giá trị bổ sung khi được kết hợp với kho dữ liệu lớn hiện có. Vì lý do này, dữ liệu có giá trị hơn đối với các công ty công nghệ lớn và các công ty khác có nhiều ngành nghề kinh doanh, dẫn đến cái gọi là độc quyền kỹ thuật số. Do đó, dữ liệu có thể trở thành một "phương tiện thiết yếu" theo nghĩa chống độc quyền. Được thúc đẩy bởi dữ liệu lớn, sự phân biệt giá

bằng thuật toán có thể phân tích nhóm khách hàng tiềm năng thành các tiêu mục ngày càng tinh tế hơn - mỗi tiêu mục phù hợp với một mức giá khác nhau. Các nhà cung cấp nhiều sản phẩm lớn có thể về nguyên tắc nắm bắt toàn bộ thặng dư người tiêu dùng (Bar-Gill 2019)).

Trong khi đó, các hộp cát điều tiết có thể tạo điều kiện thuận lợi cho những người mới gia nhập thị trường. Cornelli và cộng sự (2020) cho thấy ở Anh, các công ty trong khuôn khổ quy định có thể thu hút nguồn tài trợ lớn hơn do tình trạng bất cân xứng thông tin và chi phí pháp lý thấp hơn.

Trong trường hợp không có những lo ngại về quyền riêng tư, về nguyên tắc, việc chia sẻ dữ liệu rộng rãi hơn có thể hiệu quả hơn. Nếu thị trường có tính cạnh tranh, về mặt xã hội có thể mong muốn cho phép chia sẻ dữ liệu với các nhà cung cấp có thể sử dụng dữ liệu tốt hơn, ví dụ như được thể hiện bằng việc có thể bán sản phẩm cho khách hàng và do đó sẵn sàng trả tiền cho nhà sản xuất dữ liệu để truy cập. Điều này có thể làm tăng hiệu quả và cá nhân hóa, đồng thời tăng cường cạnh tranh và tiếp cận tài chính. Sự cân nhắc này là động lực quan trọng đằng sau các quy tắc ngân hàng mở, cho phép khách hàng chia sẻ dữ liệu của họ giữa các nhà cung cấp (ví dụ: ngân hàng và FinTech) và do đó hỗ trợ cạnh tranh.

Tuy nhiên, những lo ngại về quyền riêng tư là có cơ sở; tự do chia sẻ dữ liệu có thể gây hại cho cá nhân. Trong trường hợp dữ liệu cá nhân, việc truy cập mở vào dữ liệu có thể mang lại những chi phí quan trọng vì các cá nhân coi trọng quyền riêng tư của họ (Acquisti et al 2019). Dữ liệu giao dịch ngân hàng có thể là đầu vào quan trọng trong các quyết định chấm điểm tín dụng và nó có thể tiết lộ nhiều thông tin về sở thích, thói quen mua hàng, vị trí và một loạt các thuộc tính khác của người tiêu dùng, đặc biệt khi kết hợp với các nguồn dữ liệu khác. Quyền truy cập mở vào dữ liệu cá nhân có thể cho phép đánh cắp danh tính, gây tổn hại đến danh tiếng và thao túng các khuynh hướng hành vi để bán cho người tiêu dùng những sản phẩm không có lợi cho họ - chỉ nêu một vài ví dụ (Ru và Schoar 2016).

Quyền truy cập mở giữa các nhà cung cấp cũng có thể khiến người tiêu dùng bị thiệt hại do giá cả cao, được cá nhân hóa.¹⁶ Trong thị trường bảo hiểm, dữ liệu lớn hơn có thể cho phép định giá chi tiết hơn, do đó làm suy yếu chức năng tập hợp hoặc thống nhất rủi ro của bảo hiểm (IAIS 2017).

Việc kiểm soát dữ liệu cá nhân có thể phải chịu thất bại của thị trường. Những điều này xảy ra vì dữ liệu không có tính cạnh tranh và chỉ có thể loại trừ một phần (Carriere-Swallow và Haksar 2019), đồng thời do những thách thức trong việc nhận được sự đồng ý được thông tin đáng tin cậy. Điều này có thể dẫn đến việc chia sẻ dữ liệu quá nhiều (Acemoglu và cộng sự 2021), tích trữ dữ liệu, đầu tư quá ít vào an ninh mạng và phân mảnh xuyên biên giới. Mặc dù về nguyên tắc, sẽ là tối ưu nếu xác định “quyền sở hữu” đối với dữ liệu - một giải pháp phi tập trung hoặc “Coasian”, phù hợp với lý thuyết cổ điển của Coase về quyền sở hữu (Coase 1960) - điều này có thể không dễ áp dụng trong thực tế. Đặc biệt, các tổ chức lớn, đa sản phẩm có thể có quyền truy cập vào các loại dữ liệu mà các tổ chức khác không có và với lợi ích về quy mô và phạm vi, họ có thể đặt giá thầu cao hơn cho dữ liệu đó so với các nhà cung cấp chuyên nghiệp. Vì vậy, dữ liệu có thể là nguồn gốc của những bóp méo cạnh tranh hơn nữa. Ngoài ra, không phải lúc nào người tiêu dùng cũng có thể xử lý đầy đủ thông tin có sẵn và thông tin có sẵn khi họ 'đồng ý' có thể không đầy đủ. Điều này có thể dẫn đến việc chia sẻ quá mức người tiêu dùng hoặc đánh giá thấp quyền sở hữu dữ liệu của chính họ.

Trong một bài báo gần đây Brunnermeier và cộng sự. (2020) lập luận rằng dữ liệu lớn và học máy giúp đảo ngược các vấn đề lựa chọn bất lợi. Trí tuệ nhân tạo cho phép các công ty bảo hiểm suy ra nhiều hiểu biết thống kê từ khách hàng bảo hiểm và từ đó đảo ngược lợi thế thông tin từ khách hàng sang công ty bảo hiểm. Điều này xác định một "lựa chọn nghịch đảo". Một khách hàng biết nhiều thuộc tính của mình, nhưng một nền tảng và chỉ một nền tảng mới có thể kết nối chúng. Với lợi thế so sánh này, công ty bảo hiểm có thể cố gắng bảo vệ thông tin

thống kê của mình bằng cách chỉ đưa ra một vài hợp đồng sàng lọc. Trong trường hợp này buộc công ty bảo hiểm công bố thông tin thống kê cho khách hàng có thể cải thiện phúc lợi. Nghiên cứu của họ thực sự cho thấy rằng trong bối cảnh với các đại lý ngậy thơ không suy luận hoàn hảo thông tin thống kê từ giá của các hợp đồng được cung cấp, việc phân biệt giá sẽ làm tăng đáng kể lợi nhuận của các công ty bảo hiểm.

Do các hiệu ứng mạng làm nền tảng cho cạnh tranh, sân chơi cạnh tranh có thể được san bằng hiệu quả hơn bằng cách đặt ra các giới hạn được thiết kế tốt cho việc sử dụng dữ liệu. Đưa ra một số quy tắc bổ sung liên quan đến quyền riêng tư - đồng thời cho phép chia sẻ có chọn lọc một số loại dữ liệu - có thể làm tăng tính cạnh tranh hiệu quả, vì việc bổ sung các hạn chế như vậy trong việc sử dụng dữ liệu có thể hạn chế việc khai thác hiệu ứng mạng của các công ty công nghệ lớn. Giống như các chính phủ đã quyết định rằng một số thông tin nhất định - chẳng hạn như giới tính hoặc tình trạng bệnh lý đã có từ trước - không thể được sử dụng để định giá các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, các cơ quan lập pháp có thể cần phải xác định các loại dữ liệu cá nhân không thể được sử dụng trong các quyết định tín dụng, hoặc các loại dịch vụ tài chính khác. Hơn nữa, có thể cần có các chính sách để cung cấp cho các cá nhân quyền kiểm soát tốt hơn đối với dữ liệu của họ. Jones và Tonetti (2020) cho thấy trong một mô hình lý thuyết rằng việc cấp cho các cá nhân quyền dữ liệu có thể dẫn đến kết quả gần đạt mức tối ưu. Việc thiết kế các chính sách như vậy cũng phải thừa nhận rằng việc bắt buộc chia sẻ dữ liệu có thể làm giảm động lực tạo ra dữ liệu chất lượng cao hoặc cung cấp các dịch vụ có giá trị phụ thuộc vào việc kiếm tiền từ dữ liệu của nhà cung cấp (Ngân hàng Thế giới 2021).

Các yêu cầu về di chuyển dữ liệu cũng có thể giúp giảm thiểu sự đánh đổi. Hoạt động về quyền dữ liệu của người tiêu dùng ở EU, Úc và Canada là những ví dụ về các bước đi theo hướng này. Các đề xuất về tính di động của dữ liệu cũng

được đưa vào đề xuất DMA và DSA của EU và Hội đồng chuyên gia cạnh tranh kỹ thuật số của Vương quốc Anh (2019). Làm cho dữ liệu trở nên "di động" giữa các nhà cung cấp và tăng cường khả năng kiểm soát dữ liệu của chủ thể dữ liệu có thể giúp cho phép sử dụng dữ liệu hiệu quả đồng thời ngăn chặn nảy sinh độc quyền dữ liệu. Mặc dù một số loại dữ liệu (ví dụ: dữ liệu về bộ gen, liên hệ xã hội) vẫn có thể bị coi là "ngoài giới hạn" để sử dụng trong các dịch vụ tài chính, nhưng khả năng chuyển dữ liệu được phép giữa các nhà cung cấp khác nhau có thể mang lại hiệu quả và cạnh tranh theo cách trao quyền và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, giảm giá thuê của nhà cung cấp.

Ngoài quyền riêng tư dữ liệu, những người mới tham gia thường chuyển rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động sang người tiêu dùng với mức độ xác thực hạn chế về sự đồng ý có hiểu biết hoặc tính phù hợp của sản phẩm. Nền tảng tài chính thị trường ban đầu được thiết kế như một cơ chế chênh lệch giá theo quy định, tập hợp nguồn vốn thông qua cơ chế không gửi tiền để tránh bị gọi là ngân hàng. Các nền tảng này đã tạo ra sự cạnh tranh cho các ngân hàng, giảm chi phí cho người đi vay và mang lại lợi suất cao hơn cho các nhà đầu tư. Hiệu quả tăng lên của các nền tảng, một phần xuất phát từ việc giảm chi phí quản lý, vốn yêu cầu tối thiểu và không có phí bảo hiểm tiền gửi (một số nền tảng P2P dành riêng tiền để tự bảo hiểm). Các nhà đầu tư ở nhiều thị trường đã xem P2P như một giải pháp thay thế cho các sản phẩm tiết kiệm ngân hàng, nhưng trong hầu hết các trường hợp, họ chịu rủi ro tín dụng trực tiếp mà không có bất kỳ loại bảo hiểm tiền gửi nào và thường không nhận thức được rủi ro đó. Các cổ vấn robot và nền tảng giao dịch được trò chơi hóa khiến người tiêu dùng gặp rủi ro thị trường từ các công cụ mới mà họ có thể chưa quen thuộc. Tiền điện tử phải chịu rủi ro biến động mà những người muốn sử dụng chúng để thanh toán có thể không lường trước được. Các khoản thanh toán dựa trên DLT tiềm ẩn rủi ro hoạt động đối với các sản giao dịch và thậm chí cả các cơ chế đồng thuận cơ bản, không phải lúc nào cũng được hiểu rõ. Trong khi Stablecoin tìm cách giải quyết sự biến động đối với một rổ tiền tệ cụ

thể, về cơ bản, chúng thay đổi sự bảo vệ người nắm giữ bằng cách loại bỏ bảo đảm hoàn trả ngang giá mà các nhà phát hành tiền điện tử và ngân hàng cung cấp cho khách hàng của họ. Việc sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện liên lạc kỹ thuật số giữa nhà cung cấp và khách hàng có thể khiến khách hàng gặp phải các cuộc tấn công kỹ thuật xã hội thông minh. Tốc độ xử lý giao dịch ngày càng tăng khiến cho khách hàng có rất ít hoặc không có thời gian để khắc phục bất kỳ sai sót nào.

Các cơ quan quản lý cần cân bằng giữa đổi mới và hiệu quả do cạnh tranh rộng rãi mang lại với những tác động tiềm ẩn của việc giám sát và thực thi bảo vệ người tiêu dùng. Cũng như quyền riêng tư dữ liệu, phần lớn phụ thuộc vào việc liệu sự đồng ý có thể được 'thông báo' đầy đủ hay không và liệu có các thử nghiệm khách quan đáng tin cậy về tính phù hợp của sản phẩm hay không. Thách thức trong việc bảo vệ người tiêu dùng sẽ trở nên gay gắt hơn khi người tiêu dùng đảm nhận nhiều vai trò trực tiếp hơn trong việc lắp ráp và thậm chí cung cấp các dịch vụ tài chính (ví dụ như P2P không qua trung gian). Tùy thuộc vào cách thiết lập phạm vi quy định, các phương pháp mới để công bố, xác định tính phù hợp của sản phẩm và sự đồng ý có hiểu biết cần được phát triển để đảm bảo lời hứa về việc tăng cường hiệu quả không phải trả giá bằng việc mất khách hàng và giảm niềm tin.

Quyền riêng tư và bảo vệ người tiêu dùng so với sự ổn định và toàn vẹn tài chính

Chia sẻ dữ liệu có thể giảm bớt các vấn đề về thông tin bất cân xứng và do đó có thể có lợi cho sự ổn định và toàn vẹn tài chính. Điều này có khả năng tạo ra sự đánh đổi mới giữa một mặt là quyền riêng tư (và bảo vệ người tiêu dùng nói chung) và mặt khác là sự ổn định tài chính và tính toàn vẹn của thị trường. Sự đánh đổi này được thể hiện bằng đoạn màu xanh lá cây trong Biểu đồ 12

Trên thị trường tín dụng, có nhiều bằng chứng cho thấy nhiều dữ liệu hơn

có thể cải thiện sự ổn định. Ví dụ, cơ quan đăng ký tín dụng (CR) có thể chống lại sự lựa chọn bất lợi và giảm sự bất cân xứng thông tin giữa người cho vay và người đi vay. CR cho phép mở rộng các khoản vay cho những người đi vay an toàn, những người trước đây đã bị định giá ra ngoài thị trường, dẫn đến tổng cho vay cao hơn (Pagano và Jappelli 1993) và thúc đẩy hơn nữa khả năng tiếp cận tài chính. Chúng cũng có thể chống lại rủi ro đạo đức bằng cách tăng chi phí vỡ nợ của người đi vay, do đó làm tăng khả năng trả nợ (Padilla và Pagano 2000).¹⁷ Ngược lại, việc chia sẻ thông tin liên quan đến tín dụng có lợi trong việc giảm sự độc quyền thông tin mà người cho vay có đối với người đi vay. Ví dụ, các ngân hàng có mối quan hệ lâu dài với người đi vay có thông tin độc quyền cho phép họ tính lãi suất cao hơn và thu được các khoản tiền thuê khác từ những người vay chất lượng cao đó (Padilla và Pagano 1997). CR có thể chống lại điều này. Cuối cùng, họ có thể giảm tình trạng nợ quá mức bằng cách tiết lộ mức độ nợ của người đi vay với tất cả những người tham gia cho vay, khiến những người đi vay có hiệu biết sẽ hạn chế tín dụng cho họ (Bennardo, Pagano và Piccolo 2015). Brown và Zehnder (2007) cho thấy tổ chức chia sẻ thông tin giúp người cho vay tránh được tổn thất nghiêm trọng từ những người vay ngắn hạn.

Như kinh nghiệm với các cơ quan đăng ký tín dụng cho thấy, điều này không phải là không có nhược điểm đối với người tiêu dùng. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, những người ủng hộ người tiêu dùng đã chỉ trích các hệ thống sàng lọc các khoản phí thấu chi trong quá khứ và cho phép các ngân hàng từ chối dịch vụ tài khoản cho các cá nhân (Baradaran 2015). Sự minh bạch trong cách sử dụng dữ liệu cá nhân và khả năng truy đòi trong trường hợp sử dụng sai mục đích sẽ giúp giảm thiểu những tác động loại trừ tiềm ẩn này. Một lượng lớn các quy định đã cho phép người vay hiểu rõ hơn về điểm tín dụng cá nhân của họ và thông tin được thu thập về họ. Trong thế giới đổi mới kỹ thuật số, trong đó có phạm vi dữ liệu rộng hơn nhiều để sàng lọc, có thể sẽ có phí cao hơn trong việc cung cấp cho các cá nhân quyền truy cập và các quyền như vậy, tương xứng với tác động ngày càng

tăng của việc nhà cung cấp sử dụng dữ liệu cá nhân đối với tính khả dụng dịch vụ.

Doblas-Madrid và Minetti (2013) nhận thấy rằng nếu người cho vay tham gia tổ chức chia sẻ thông tin tín dụng, người vay của họ sẽ cải thiện việc trả nợ của họ - các khoản thanh toán quá hạn cho hợp đồng thuê và khoản vay sẽ giảm.

Ví dụ: có những lo ngại rằng việc xử lý dữ liệu cá nhân bằng thuật toán không rõ ràng trong ngân hàng có thể dẫn đến thành kiến và phân biệt đối xử. Việc chấm điểm tín dụng dựa trên AI/ML được cho là làm giảm tỷ lệ nợ xấu, từ đó góp phần đến sự ổn định. Tuy nhiên, các thuật toán ML phức tạp có thể không trung tính như bản chất toán học của chúng thoạt nhìn cho thấy. Mặc dù sự can thiệp của con người ít hơn có nghĩa là khả năng phân biệt đối xử dựa trên sở thích có thể giảm bớt, nhưng các thuật toán do con người phát triển hoặc được đào tạo dựa trên dữ liệu lịch sử có thể tạo ra những thành kiến mới (Morse và Pence 2020). Sử dụng dữ liệu về các khoản thế chấp ở Hoa Kỳ, Fuster và cộng sự (2019) nhận thấy rằng những người đi vay là người da đen và gốc Tây Ban Nha ít có khả năng đạt được lợi ích từ việc áp dụng học máy trong các mô hình chấm điểm tín dụng với tỷ lệ bất cân xứng. Điều này cho thấy thuật toán có thể phát triển các hiệu ứng khác biệt giữa các nhóm và làm tăng sự bất bình đẳng (Biểu đồ 13, bảng bên trái). Những người đi vay ở bên trái của đường thẳng đứng liền đại diện cho "người chiến thắng", những người được phân loại là ít rủi ro hơn theo thuật toán phức tạp hơn so với mô hình truyền thống. Dựa trên tỷ lệ tích lũy, khoảng 65% người vay là người da trắng không phải gốc Tây Ban Nha và châu Á sẽ thắng, so với khoảng 50% người vay là người da đen và gốc Tây Ban Nha. Trong một nghiên cứu khác, FinTech dường như không thể thu hẹp khoảng cách giới tính trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính, vì phụ nữ có xu hướng chia sẻ dữ liệu thấp hơn nam giới. Chen và cộng sự (2021) nhận thấy rằng nam giới có nhiều khả năng sử dụng dịch vụ sản phẩm FinTech hơn nữ giới (27% so với 19%) và xu hướng này xảy ra ở mọi quốc gia (ngoại trừ Peru và Ấn Độ; Biểu đồ 13, bảng bên phải). Hơn nữa, phụ

nữ cho biết họ lo lắng hơn về tính bảo mật của mình khi giao dịch trực tuyến với các công ty và ít sẵn sàng chia sẻ dữ liệu để có được những ưu đãi tốt hơn về các dịch vụ tài chính

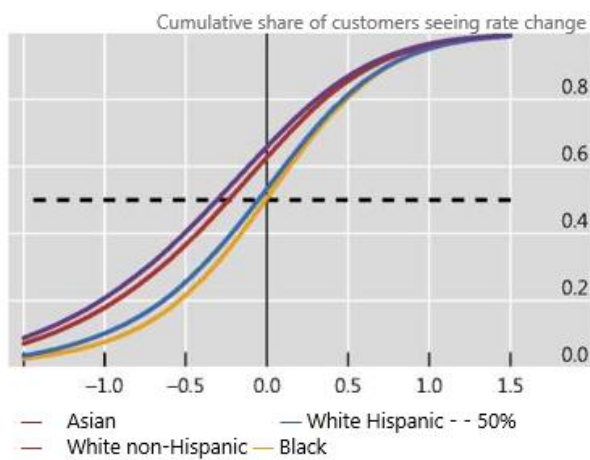
Giảm hoạt động bất hợp pháp là một lĩnh vực khác mà việc sử dụng dữ liệu cá nhân có khả năng cải thiện sự ổn định và tính toàn vẹn của thị trường, nhưng lại gây ra chi phí về quyền riêng tư và loại trừ tài chính. Ví dụ: hoạt động chống rửa tiền (AML) và chống tài trợ khủng bố (CFT) yêu cầu trao đổi thông tin chi tiết về tất cả các bên liên quan đến giao dịch tài chính. Điều này có thể dẫn đến việc loại trừ những cá nhân không thể xuất trình đầy đủ tài liệu hoặc chưa được tiếp cận trước đó để chứng minh các hình thái tích cực mà cơ chế sàng lọc có thể tìm kiếm. Phân tích dữ liệu có thể tiết lộ những thói quen và sở thích không liên quan đến hoạt động bất hợp pháp nhưng vẫn nhạy cảm hoặc mang tính cá nhân. Vì việc giám sát các lệnh phê duyệt, khắc phục KYC, các biện pháp AML và giám sát giao dịch nằm trong những yếu tố tuân thủ tốn kém nhất của các ngân hàng nên động lực sử dụng phân tích dữ liệu nâng cao là rất mạnh mẽ. Việc tăng cường tự động hóa và sử dụng dữ liệu được tạo ra với chi phí cận biên thấp có thể giúp giảm chi phí và tạo điều kiện cho nhiều khách hàng có thu nhập thấp được công nhận hơn. Tuy nhiên, việc nâng cao tiêu chuẩn chung khi mức độ bao phủ dữ liệu của những khách hàng năng động hơn và/hoặc thu nhập cao được cải thiện sẽ làm trầm trọng thêm sự phân chia dữ liệu so với các phân khúc bị loại trừ trước đó. Các yêu cầu KYC theo cấp độ cố gắng giải quyết vấn đề này như một cách cân bằng giữa phạm vi bao phủ dữ liệu và các yêu cầu về tính toàn vẹn của thị trường

Các cuộc thảo luận xung quanh tiền tệ kỹ thuật số của ngân hàng trung ương đặt những vấn đề này vào trọng tâm đặc biệt. Một số ngân hàng trung ương, chẳng hạn như Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, đang xem xét cấu trúc CBDC, trong đó ngân hàng trung ương sẽ có toàn quyền truy cập vào dữ liệu giao dịch để hỗ trợ AML/CFT và giám sát an toàn. Các ngân hàng trung ương khác đang phản đối việc

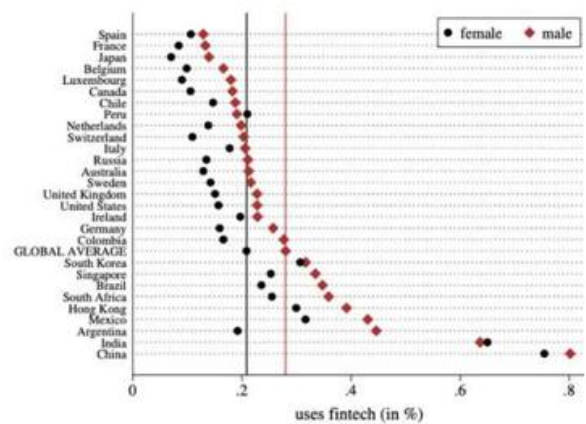
tiếp cận những dữ liệu đó và xem xét các lựa chọn được gọi là "trung gian" trong đó các trung gian thuộc khu vực tư nhân lưu giữ những dữ liệu đó và ngân hàng trung ương chỉ có sổ cái các giao dịch bán buôn (Auer et al 2020b; Carstens 2021). Do sự khác biệt rõ rệt về ưu tiên đánh đổi sự ổn định và quyền riêng tư giữa các khu vực pháp lý khác nhau, nên có thể thiết kế cuối cùng cũng có thể khác nhau về mặt này.

Người được và kẻ thua của chấm điểm tín dụng máy học và khoảng cách giới FinTech Biểu đồ 13

Ảnh hưởng phân phối của máy học trong thế chấp Hoa Kỳ¹



Khoảng cách giới FinTech



Việc giải quyết những sự đánh đổi này cũng sẽ đòi hỏi một cuộc thảo luận xã hội về việc chia sẻ dữ liệu. Các quy tắc bảo vệ dữ liệu như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của EU (GDPR) và Đạo luật bảo vệ người tiêu dùng California (CCPA) đã thể hiện các bước quan trọng trong việc bảo vệ quyền riêng tư và hạn chế sử dụng dữ liệu dựa trên sự đồng ý của người tiêu dùng. Tuy nhiên, sẽ cần phải tranh luận thêm để xác định trong trường hợp nào các quy tắc về quyền riêng tư có thể được nới lỏng để cải thiện tính ổn định và tính toàn vẹn cũng như cách người tiêu dùng có thể được bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử về mặt thuật toán. Đây vẫn là một vấn đề hàng đầu trong hoạch định chính sách trong lĩnh vực tài chính và nền kinh tế số nói chung, nơi các khu vực pháp lý khác nhau có thể tiếp tục học hỏi lẫn nhau trong tương lai.

5. Kết luận

Bài viết này đã chỉ ra rằng đổi mới kỹ thuật số đang mang lại những thay đổi có ý nghĩa về mặt kinh tế trong việc sản xuất các dịch vụ tài chính, có ý nghĩa đối với cơ cấu ngành tài chính. Những cải tiến về kết nối và điện toán có thể giúp nâng cao hiệu quả và cạnh tranh. Trong nhiều trường hợp, các dịch vụ tài chính đã chứng kiến sự tách rời của các sản phẩm và dịch vụ khác nhau. Đồng thời, những xung đột tài chính và các động lực thúc đẩy nhu cầu về các trung gian tài chính ngay từ đầu đã tái khẳng định bản thân. Khu vực tài chính có thể đang có xu hướng hướng tới một kết quả kiểu tạ chuông trong cấu trúc thị trường, trong đó các tổ chức đa sản phẩm lớn tồn tại cùng với các tổ chức thị trường ngách chuyên biệt hơn.

Các công cụ chính sách quản lý và giám sát sẽ phải thích ứng. Phạm vi quản lý hiện tại có thể không bao phủ đầy đủ các nhà cung cấp dịch vụ tài chính mới nổi và những người chơi mới có thể đặt ra thách thức cho việc giám sát tài chính hàng ngày. Việc cân bằng giữa cạnh tranh và ổn định ngày càng trở nên khó khăn, giữa các nhà cung cấp dịch vụ tài chính và giữa vô số người tham gia trong chuỗi giá trị sản phẩm tài chính được cấu trúc lại. Quy tắc kiểm soát dữ liệu và dữ liệu nào được phép cho các dịch vụ cụ thể, sẽ cần phải được xác định - lý tưởng nhất là theo cách mang lại cho các cá nhân quyền kiểm soát, cân bằng giữa cạnh tranh và hiệu quả với quyền riêng tư và

bảo vệ người tiêu dùng, đồng thời tăng cường tài chính toàn diện. Những hình thức phân biệt đối xử và thiên vị mới sẽ cần phải được hiểu và chống lại. Cần phải đạt được sự cân bằng mới trong việc bảo vệ người tiêu dùng, cân nhắc quyền riêng tư, tính ổn định và tính toàn vẹn theo cách tôn trọng sở thích xã hội ở các khu vực pháp lý khác nhau trên thế giới và trong các xã hội khác nhau. Chính sách tiền tệ, sự ổn định hệ thống và các công cụ bảo vệ người tiêu dùng, những vấn đề phần lớn nằm ngoài phạm vi của bài viết này, cũng có thể cần phải điều chỉnh. Các thách thức bao gồm việc tiếp cận các chương trình cho vay cuối cùng của các nhà cung cấp mới, ổn định thị trường tín dụng trong đó các tổ chức phi ngân hàng trở thành người cho vay lớn và duy trì khả năng tồn tại của các chương trình bảo hiểm tiền gửi khi các tổ chức mới trở nên lớn.

Các cơ quan quản lý cần phải có chú ý đối với cấu trúc thị trường. Những quan niệm trước đây xung quanh sự đánh đổi giữa cạnh tranh và ổn định cần phải được xem xét lại. Những nguyên tắc lâu đời về việc tách ngân hàng và thương mại đã được thay đổi. Các cách tiếp cận hiện tại đối với chính sách cạnh tranh và chống độc quyền có thể không phù hợp với các dịch vụ tài chính số, nơi các biện pháp định giá và tập trung cho một thị trường hoặc một công ty có thể trở nên ít thông tin hơn. Bản chất của khả năng cạnh tranh phải được hiểu lại trong các thị trường được thúc đẩy bởi lợi nhuận tăng theo quy mô nhưng cũng có rào cản gia nhập ngày càng thấp đối với các dịch vụ thị trường ngách. Sự mong muốn của cấu trúc thị trường kiểu tạ chuồng sẽ phụ thuộc một phần vào hành vi và kỹ năng của người tiêu dùng quyết định chi phí chuyển đổi trong một thị trường nhất định. Các lực lượng thị trường đã được định hình bởi vốn tối thiểu, yêu cầu cấp phép, hạn chế hoạt động và các chính sách khác. Giả vờ rằng các lực lượng thị trường chỉ đang vận hành theo hướng của chúng là không chính xác là điều tốt nhất và tệ nhất là có thể dẫn đến kết quả tiêu cực cho người tiêu dùng và ổn định vĩ mô..

Một số cơ quan quản lý đang thực hiện các biện pháp chính sách đầy hứa hẹn để giảm thiểu sự đánh đổi. Các biện pháp dựa trên thực thể gần đây xung quanh các công ty công nghệ lớn, chẳng hạn như các đề xuất ở EU, Anh, Mỹ và Trung Quốc, có thể áp dụng cách tiếp cận tiên nghiệm hơn để giải quyết rủi ro, ngăn chặn hành vi phản cạnh tranh và trong quá trình đó thúc đẩy một sân chơi bình đẳng. Các biện pháp bảo vệ

quyền riêng tư dữ liệu và các yêu cầu về di chuyển dữ liệu có thể hỗ trợ bảo vệ người tiêu dùng và cũng có thể thúc đẩy cạnh tranh. Tuy nhiên, vẫn cần có một cuộc tranh luận xã hội về loại dữ liệu nào được phép sử dụng trong các dịch vụ tài chính và khi nào các quy tắc về quyền riêng tư có thể được nói lỏng để phục vụ sự ổn định.

Để bước vào lãnh địa mới này một cách hiệu quả và để cân bằng các mục tiêu chính sách cần thiết, các cơ quan quản lý sẽ cần phải hợp tác. Ở cấp độ trong nước, các ngân hàng trung ương và các cơ quan khác quản lý ngành tài chính cần hợp tác với các cơ quan quản lý ngành (ví dụ: đối với viễn thông và các tiện ích khác có thể cung cấp dịch vụ tài chính) cũng như các cơ quan bảo vệ dữ liệu và quản lý cạnh tranh. Ở cấp độ quốc tế, các cơ quan quản lý đang làm việc cùng nhau để chia sẻ kiến thức chuyên môn về quy định tài chính của cả những người mới tham gia và những người đã hoạt động, đồng thời điều phối các chính sách. Điều này trở nên quan trọng hơn bao giờ hết do tác động lan tỏa xuyên biên giới của các quyết định chống độc quyền và quản trị dữ liệu, cũng như tiềm năng nâng cao hiệu quả dịch vụ thông qua việc hài hòa hóa các tiêu chuẩn trong các lĩnh vực như phòng chống tội phạm mạng, bảo vệ dữ liệu và khả năng tương tác (Ngân hàng Thế giới 2021). Hợp tác có thể giúp đảm bảo tính nhất quán về quy định và học hỏi lẫn nhau giữa các quốc gia và cuối cùng là phúc lợi cao hơn cho người dân của họ.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. *Acemoglu, D, A Makhdoumi, A Malekian and A Ozdaglar 2021 "Too Much Data: Prices and Inefficiencies in Data Markets" American Economic Journal: Microeconomics, forthcoming*
2. *Acquisti, A, C Taylor and L Wagman 2016 "The economics of privacy" Journal of Economic Literature, 54(2)*
3. *Aghion, P, P Bolton 1997 "A theory of trickle-down growth and development" Review of Economic Studies, 64(2), 151-72*
4. *Alexopoulos, S 2020 "US Mid- and Small-Cap Banks Technology Disruption*

- Report: With a New Breed of Regional Banks Emerging, Many Are Positioned as Endgame Winners in the Digital Age" JPMorgan, December 15*
5. *Aldasoro, I, J Frost, L Gambacorta and D Whyte 2021 "Covid-19 and cyber risk in the financial sector" BIS Bulletin 37*
 6. *Alfonso, V, C Boar, J Frost, L Gambacorta and J Liu 2021 "E-commerce in the pandemic and beyond" BIS Bulletin 36*
 7. *Alonso Gispert, T, P Chatain, K Driessen and A Plaitakis 2021 "Regulation and Supervision of Fintech" Technical Note, World Bank Group Fintech and the Future of Finance report*
 8. *Amidu, M and S Wolfe 2013 "Does bank competition and diversification lead to greater stability? Evidence from emerging markets" Review of Development Finance, 3(3), 152-66*
 9. *Armantier, O, S Doerr, A Fuster, J Frost and K Shue 2021 "Whom do consumers trust with their data? US survey evidence" BIS Bulletin 42*
 10. *Arner, D, J Barberis and R Buckley 2017 "FinTech and RegTech in a Nutshell, and the Future in a Sandbox" CFA Institute Research Foundation Briefs, 3(4), July*
 11. *Arner, D, R Auer and J Frost 2020 "Stablecoins: risks, potential and regulation" BIS Working Paper 905*
 12. *Arrow, K and G Debreu 1954 "Existence of an equilibrium for a competitive economy" Econometrica, 22, 265-90*
 13. *Auer, R 2019 "Embedded supervision: how to build regulation into blockchain finance" BIS Working Paper 811*
 14. *Auer, R, G Cornelli and J Frost 2020a "Covid-19, cash and the future of payments" BIS Bulletin 3*
 15. *Auer, R, G Cornelli and J Frost 2020b "Rise of the central bank digital currencies: drivers, approaches and technologies" BIS Working Paper, 880*
 16. *Autor, D 2019 "World of the Past, Work of the Future," AEA Papers and*

- Proceedings, 109, 1-32*
17. *Baltensperger, E 1980 "Alternative Approaches to the Theory of the Banking Firm" *Journal of Monetary Economics, 6, 1-37**
 18. *Bank for International Settlements 2019 "Big tech in finance: opportunities and risks" BIS Annual Economic Report, June*
 19. *Bank for International Settlements 2020 "Central banks and payments in the digital era" BIS Annual Economic Report, June*
 20. *Bank of Thailand 2019 "Permission for Commercial Banks to Undertake Information Technology Related Services to Support Digital Banking" (unofficial translation), available online at <https://www.bot.or.th/Thai/FIPCS/Documents/FPG/2562/EngPDF/25620188.pdf>, August*
 21. *Baradaran, M 2015 How the Other Half Banks: Exclusion, Exploitation, and the Threat to Democracy, Cambridge, MA, Harvard University Press*
 22. *Barrett, A 2018 "The Unbundling and Rebundling of Banks" [dxjournalco/2018/09/the-unbundling-rebundling-of-banks/](https://dxjournalco.com/2018/09/the-unbundling-rebundling-of-banks/) September 11, 2018*
 23. *Bar-Gill, O 2019 "Algorithmic price discrimination: when demand is a function of both preferences and (Mis)perceptions" *University of Chicago Law Review, 86(2), 217-254**
 24. *BBVA 2020 "The five V's of big data" <https://www.bbva.com/en/five-vs-big-data/>*
 25. *Bennardo, A, M Pagano and S Piccolo 2015 "Multiple-Bank Lending, Creditor Rights and Information Sharing" *Review of Finance, 19(2), 519-70**
 26. *Bodie, Z and RC Merton 2005 "Design of financial systems: towards a synthesis of function and structure" *Journal of Investment Management, 3(1), 1-23**
 27. *Boissay, F, T Ehlers, L Gambacorta and HS Shin 2021 "Big tech in finance: on the nexus between data privacy and competition" in R Rau, R Wardrop and L Zingales (eds) *The handbook of technological finance, Palgrave-Macmillan, forthcoming**

28. *Bossone, B and H Natarajan, 2021 "Digital Payment Systems Strategy for the MENA region," mimeo*
29. *Britton, M 2018 "The Importance of The Barbell Economy In 2019"*
<https://www.mattbritton.com/blog-posts/2018/12/17/the-importance-of-the-barbell-economy-in-2019>
30. *Broeders, D and J Prenio 2018 "Innovative technology in financial supervision (suptech) - the experience of early users" FSI Insight 9*
31. *Brown, M and C Zehnder 2007 "Credit reporting, Relationship Banking and Loan Repayment" Journal of Money, Credit and Banking 39(8), 1883-18*
32. *Brunnermeier, M K, R Lamba, and C Segura-Rodriguez 2020 "Inverse selection", mimeo, Princeton*
33. *Carletti, E, S Claessens, A Fatas and X Vives 2020 The Bank Business Model in the post- Covid-19 World The Future of Banking 2, London: CEPR Press*
34. *Carriere-Swallow, Y and V Haksar 2019 "The economics and implications of data: an integrated perspective" IMF Departmental Papers 19(16)*
35. *Carstens, A 2021 "Central bank digital currencies: putting a big idea into practice" Speech, March*
36. *Chen, S, S Doerr, J Frost, L Gambacorta and HS Shin 2021 "The fintech gender gap" BIS Working Papers, 931*
37. *Claessens, S 2009 "Competition in the Financial Sector: Overview of Competition Policies" The World Bank Research Observer 24(1), 83-118*
38. *Claessens, S and L Laeven 2005 "Financial dependence, banking sector competition, and economic growth" Journal of the European Economic Association, 3(1), 179-207*
39. *Claessens, S, J Frost, G Turner, and F Zhu 2018 "Fintech credit markets around the world: size, drivers and policy issues" BIS Quarterly Review, September*
40. *Coase, R H 1960 "The problem of social cost" Journal of Law and Economics, 3*

41. Coase, RH 1937 "The Nature of the Firm" in PJ Buckley and J Michie (eds) *Firms, Organizations and Contracts*, Oxford: Oxford University Press
42. Cornelli, G, J Frost, L Gambacorta, R Rau, R Wardrop and T Ziegler 2020a "Fintech and big tech credit: a new database" *BIS Working Papers*, 887
43. Cornelli, G, S Doerr, J Frost and L Gambacorta 2020b "Big techs vs G-SIBs: differences in market funding" mimeo
44. Cornelli, G, S Doerr, L Gambacorta, and O Merrouche 2020c "Inside the regulatory sandbox: effects on fintech funding" *BIS Working Paper*, 901
45. Cowley, S 2020 "The Tiny Bank That Got Pandemic Aid to 100,000 Small Businesses" *New York Times*, June 23, <https://www.nytimes.com/2020/06/23/business/paycheck-protection-program-cross-river-bank.html>
46. Croxson, K, T Valletti, L Gambacorta and J Frost 2021 "Platform-based business models and financial inclusion" *BIS Paper*, forthcoming
47. D'Silva, D, Z Filkova, F Packer and S Tiwari 2019 "The design of digital financial infrastructure: lessons from India" *BIS Papers*, 106, December
48. Danielsson, J and R Macrae 2019 "Systemic consequences of outsourcing to the cloud" *VoxEU*, 2 December
49. Deogun, N 1996 "Back to the Fray: Displaced by Mergers, Some Bankers Launch Their Own Start-Ups --- They Win Over Customers With Personal Service Popular in Small Towns --- A Barbell-Shaped Industry" *The Wall Street Journal*, 4 March 1996
50. Dewatripoint M and J Tirole 1994 *The Prudential Regulation of Banks* Cambridge, MA, MIT Press
51. Didier, T, E Feyen, R Llovet Montanes and O P Ardic Alper 2021 "Global Patterns of Fintech Activity and Enabling Factors." *World Bank Group Fintech and the Future of Finance report*.
52. Doblaz-Madrid, A and R Minetti 2013 "Sharing Information in the Credit

Market:

- Contract-Level Evidence from US Firms” Journal of Financial Economics, 109(1), 198-223*
53. *Ehrentraud, J D Garcia Ocampo and C Quevedo Vega 2020 "Regulating fintech financing: digital banks and fintech platforms” FSI Insight 27*
 54. *European Banking Authority 2018 "Report on the impact of fintech on incumbent credit institutions' business models” July*
 55. *European Commission 2020a "Proposal for a Regulation of the Council and the European Parliament on contestable and fair markets in the digital sector (Digital Markets Act)” December*
 56. *European Commission 2020b "Proposal for a Regulation of the Council and the European Parliament on a single market for digital services (Digital Services Act) and amending Directive 2000/31/EC” December*
 57. *EY 2020 "A vision for platform-based banking” February*
 58. *Farboodi M, R Mihet, T Philippon, and L Veldkamp 2019 "Big data and firm dynamics” NBER Working Papers, 25515, January*
 59. *Feldman, RJ 2010 "Size and Regulatory Reform in Finance: Important but Difficult Questions” Scale Economies in Banking Symposium, Federal Reserve Bank of Minneapolis September*
 60. *Feyen, E, RR Heffernan, H Natarajan, M Saal and A Sarkar 2021 "World Bank Group Global Market Survey: Digital Technology and the Future of Finance” World Bank Group Fintech and the Future of Finance report*
 61. *Financial Stability Board (FSB) 2017 "Artificial intelligence and machine learning in financial services: Market developments and financial stability implications” November*

62. *Financial Stability Board (FSB) 2019a "Decentralised financial technologies: Report on financial stability, regulatory and governance implications" June*
63. *Financial Stability Board (FSB) 2019b "Third-party dependencies in cloud services: Considerations on financial stability implications" December*
64. *Financial Stability Board (FSB) 2020 "BigTech in emerging market and developing economies" October*
65. *Frost J 2020 "The Economic Forces Driving Fintech Adoption Across Countries" In M King and R Nesbitt (eds), The Technological Revolution in Financial Services, Toronto: University of Toronto Press*
66. *Frost, J, L Gambacorta, Y Huang, HS Shin, and P Zbinden 2019 "BigTech and the changing structure of financial intermediation" Economic Policy, 34(100), 761-99*
67. *Frost, J, L Gambacorta and HS Shin 2021 "From Financial Innovation to Inclusion" IMF Finance & Development, Spring*
68. *Fuster, A, P Goldsmith-Pinkham, T Ramadorai, and A Walther 2019 "The effect of machine learning on credit markets" VoxEU January*
69. *Gambacorta, L, Y Huang, H Qiu, and J Wang 2019 "How do machine learning and non-traditional data affect credit scoring? New evidence from a Chinese fintech firm" BIS Working Papers, 834*
70. *Gambacorta, L, Y Huang, Z Li, H Qiu, and S Chen 2020 "Data vs collateral" BIS Working Papers, 881, September*
71. *Goldfarb, A and C Tucker 2019 "Digital Economics" Journal of Economic Literature, 57(1), 3-43*
72. *Hellmann, T, K Murdock, and J Stiglitz 2000 "Liberalization, Moral Hazard in Banking, and Prudential Regulation: Are Capital Requirements Enough?" American Economic Review, 90(1), 147-65*

73. *HM Treasury 2019 "Unlocking Digital Competition: Report of the Digital Competition Expert Panel" March*
74. *Hileman, G and M Rauchs 2017 "Global Cryptocurrency Benchmarking Study" Cambridge Centre for Alternative Finance*
75. *Holmstrom, B and J Tirole 1997 "Financial intermediation, loanable funds and the real sector" Quarterly Journal of Economics 112(3), 663-91*
76. *International Association of Insurance Supervisors (IAIS) 2017 "FinTech Developments in the Insurance Industry" February*
77. *International Monetary Fund (IMF) and World Bank Group 2019 "Fintech: The Experience So Far" June*
78. *International Monetary Fund (IMF) and World Bank Group 2018 "The Bali Fintech Agenda" October*
79. *Jappelli, T and M Pagano 2000 "Information sharing in credit markets: A survey" CSEF Working Paper, 36*
80. *Jones, C and C Tonetti 2020 "Nonrivalry and the economics of data" American Economic Review, 110 (9), 2819-58*
81. *Kahn C and W Roberds 2009 "Why pay? An introduction to payments economics" Journal of Financial Intermediation, 18(1), 1-23*
82. *Keeley, M 1990 "Deposit insurance, risk and market power in banking" American Economic Review, 80(5), 1183-1200*
83. *Liu, A 2019 "An Analysis of the PBOC's New Mobile Payment Regulation," Cato Journal, Winter*
84. *Lukoianova, T and V Rubin 2014 "Veracity Roadmap: Is Big Data Objective, Truthful and Credible?" Advances in Classification Research Online, 24(1), 4-15*
85. *Luohan Academy Report 2019 "Digital Technology and Inclusive Growth" Shenzhen McKinsey 2020 "Three actions CEOs can take to get value from cloud computing" July Marous, J 2021 "Will regional banks survive the future" The*

- Financial Brand*, <https://thefinancialbrand.com/111327/regional-bank-competition-digital-fintech-transformation-trends/>
86. Mester, L 2018 "Community Banking and the Community Reinvestment Act" *Federal Reserve Bank of Cleveland speech*, 3 October
87. Mester, L 2010 "Scale Economies in Banking and Financial Regulatory Reforms" *Scale Economies in Banking Symposium*, Federal Reserve Bank of Minneapolis, September
88. McMorrow, R 2021 "China tech groups given a month to fix antitrust practices," *Financial Times*, 13 April 2021
89. Morning Consult 2021 "Most Trusted Brands 2021", available online at <https://morningconsult.com/most-trusted-brands-2021/>.
90. Morse, A and K Pence 2020 "Technological Innovation and discrimination in household finance" *NBER Working Paper*, 26739
91. OECD 2020 "Digital Disruption in Banking and its Impact on Competition", <http://www.oecd.org/daf/competition/digital-disruption-in-financial-markets.htm>
92. Office of the Comptroller of the Currency (OCC) 1995 "Tying Restrictions: Guidance on Tying" *OCC Bulletin*, 1995-20
93. Oliver Wyman 2019 "The Race for Consumer Trust" March
94. Padilla, A and M Pagano 1997 "Endogenous communication among lenders and entrepreneurial incentives" *The Review of Financial Studies*, 10(1), 205-36
95. Padilla, A and M Pagano 2000 "Sharing default information as a borrower discipline device" *European Economic Review*, 44(10), 1951-80
96. Pagano, M and T Jappelli 1993 "Information Sharing in Credit Markets" *Journal of Finance*, 48(5), 1693-18
97. Petralia, K, T Philippon, T Rice, and N Veron 2019 "Banking Disrupted? *Financial Intermediation in an Era of Transformational Technology*" *Geneva Reports on the World Economy*, 22
98. Pazarbasioglu, C, A Garcia Mora, M Uttamchandani, H Natarajan, E Feyen, and

M Saal 2020 Digital Financial Services World Bank April

99. Restoy, F 2021 "Fintech regulation: achieving a level playing field" *FSI Occasional Paper 17, February*
100. Ru, H and A Schoar 2016 "Do Credit Card Companies Screen for Behavioral Biases?" *NBER Working Paper, 22360*
101. Rutherford, D 2013 "Barbell (G1)" *In Routledge Dictionary of Economics (3rd ed, p 38) Routledge*
102. Schar, F 2021 "Decentralized Finance: On Blockchain- and Smart Contract-Based Financial Markets" *Federal Reserve Bank of St Louis Review, February*
103. Schwartz, B 2005 "The Paradox of Choice: Why More is Less, New York", NY: *Harper Perennial*
104. Shevlin, R 2019 "The Real Story Behind The PNC-Venmo Clash" *Forbes, 18 December*
105. Snow 2020 "How the 'new normal' is changing cloud usage and strategy" *16 June*
106. Stulz, R 2019 "FinTech, BigTech, and the Future of Banks" *Journal of Applied Corporate Finance 31,86-97*
107. UK Digital Competition Expert Panel 2019 "Unlocking digital competition" *March*
108. UK Payment System Regulator 2016 "Market review into the ownership and competitiveness of infrastructure provision" *July*
109. US House of Representatives (US House) 2020 "Investigation of competition in digital markets" *Majority staff report and recommendations, House Judiciary Committee's Subcommittee on Antitrust, Commercial and Administrative Law, October*
110. White, J, Chapsal, A and Yeater, A 2018 "European Union - Two-Sided Markets, Platforms and Network Effects," *in Global Competition Review - E-Commerce Competition Enforcement Guide*
111. Williamson, OE 1971 "The Vertical Integration of Production: Market Failure

Considerations" American Economic Review 61(2), 112-23

112. *World Bank 2021 "World Development Report 2021: Data for Better Lives*

Mục lục

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

1. Đề tài: Phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

- **Chủ nhiệm:** PGS.TS. Đặng Thị Huyền Anh, Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Học viện Ngân hàng
- **Mã số:** ĐTNH.028/22
- **Kết quả nghiệm thu:** Giỏi
- **Các nội dung chính:**

- Tổng quan về phát triển năng lực số của nguồn nhân lực trong lĩnh vực ngân hàng.

- Thực trạng phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Giải pháp phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của hệ thống NHTM.

- **Mô tả tóm tắt:**

Nhằm mục tiêu góp phần tìm ra những giải pháp có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số của hệ thống NHTM Việt Nam, đề tài ĐTNH.028/22 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 đã làm rõ khái niệm về năng lực số và khung năng lực số, tiêu chí đo lường năng lực số của người lao động, từ đó chỉ ra các nội dung của phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực và các yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực. Đề tài cũng nêu ra yêu cầu đối với việc phát triển năng lực số của nguồn nhân lực trong lĩnh vực ngân hàng thông qua việc phân tích: (i) xu hướng thế giới về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng, (ii) tầm quan trọng và yêu cầu về năng lực số của nguồn nhân lực trong lĩnh vực ngân hàng và (iii) vai trò và mục tiêu của phát triển năng lực số trong nguồn nhân lực ngân hàng. Trong chương này, đề tài cũng đã nghiên cứu kinh nghiệm phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực tại một số quốc gia trên thế giới

và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Chương 2 đã chỉ ra thực trạng chuyển đổi số và năng lực số của nguồn nhân lực tại các NHTM Việt Nam. Đề tài cũng đã đánh giá thực trạng phát triển năng lực số của nguồn nhân lực tại các NHTM Việt Nam thông qua việc phân tích: (i) các chính sách phát triển năng lực số của nguồn nhân lực tại các NHTM Việt Nam, (ii) những yếu tố vĩ mô ảnh hưởng tới sự phát triển năng lực số của nguồn nhân lực tại các NHTM Việt Nam và (iii) xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới sự sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc của nhân lực tại các NHTM Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, đề tài cũng đã đưa ra những đánh giá chung về kết quả đạt được cũng như các tồn tại và nguyên nhân.

Trong chương 3, trên cơ sở nghiên cứu quan điểm, định hướng về chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực trong ngành ngân hàng, đề tài đã đề xuất các giải pháp phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực trong hệ thống NHTM bao gồm: (i) nhóm giải pháp về khung pháp luật, cơ chế, chính sách và các quy định trong chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực, (ii) nhóm giải pháp xây dựng khung năng lực số trong ngành Ngân hàng, (iii) nhóm giải pháp thúc đẩy nhu cầu phát triển năng lực số và tạo điều kiện nâng cao năng lực số cho người lao động tại các NHTM và (iv) phát triển mạng lưới liên kết giữa cơ quan quản lý, tổ chức đào tạo và nhà tuyển dụng nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực có năng lực số đáp ứng nhu cầu tuyển dụng. Đồng thời, đề tài cũng đưa ra một số kiến nghị đối với Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Mục lục

2. Đề tài: Giải pháp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài đối với các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

- **Chủ nhiệm:** TS. Nguyễn Thị Hồng Vinh - Trưởng bộ môn, Khoa Kinh tế Quốc tế, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
- **Mã số:** ĐTNH.032/22
- **Kết quả nghiệm thu:** Giỏi
- **Các nội dung chính:**

- Giới thiệu tổng quan nghiên cứu.
- Cơ sở lý thuyết về niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài.
- Điều kiện niêm yết và bài học kinh nghiệm về niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài.
- Khả năng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của các ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) Việt Nam.
- Giải pháp thúc đẩy hoạt động niêm yết cổ phiếu trên thị trường nước ngoài của các NHTMCP Việt Nam.

- *Mô tả tóm tắt:*

Nhằm mục tiêu nghiên cứu, đánh giá, phân tích năng lực của các NHTMCP Việt Nam để đề xuất các chính sách, giải pháp nhằm tạo điều kiện thúc đẩy các NHTM cổ phần Việt Nam niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài, đề tài ĐTNH.032/22 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 giới thiệu chung về lý do, mục tiêu, phạm vi và phương pháp nghiên cứu của đề tài.

Chương 2 đã làm rõ cơ sở lý thuyết về niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài, bao gồm: (i) tổng quan về niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài, (ii) tổng quan niêm yết cổ phiếu trên thị trường nước ngoài của NHTM, (iii) phương thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài, (iv) lợi ích và hạn chế của niêm yết cổ phiếu ở thị trường chứng khoán nước ngoài và (v) các lý thuyết liên quan đến niêm yết cổ phiếu tại thị trường chứng khoán nước ngoài. Ngoài ra, đề tài cũng đã khảo lược các nghiên cứu trước về niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài.

Chương 3 đã trình bày điều kiện niêm yết chứng khoán tại thị trường nước ngoài, quy trình niêm yết chứng khoán của các sở giao dịch chứng khoán nước ngoài (Singapore, New York, London và Hong Kong) và thực trạng hoạt động niêm yết quốc

tế. Đồng thời, đề tài cũng phân tích kinh nghiệm niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán nước ngoài của các ngân hàng và doanh nghiệp trên thế giới cũng như của các doanh nghiệp Việt Nam, từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm cho các NHTMCP Việt Nam.

Chương 4 đã trình bày các nội dung liên quan đến đánh giá khả năng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của các NHTMCP Việt Nam. Thông qua mô hình Cox hazards, kết quả nghiên cứu cho thấy ảnh hưởng của các yếu tố đến khả năng niêm yết của các NHTMCP Việt Nam trên các sàn giao dịch chứng khoán là tính thanh khoản thị trường, quy mô ngân hàng và năng lực quản lý. Đồng thời, đề tài cũng đã khảo sát ý kiến của các chuyên gia, qua đó tìm hiểu các điều kiện thuận lợi và khó khăn của các NHTMCP Việt Nam trong việc niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán lớn trên thế giới.

Trong Chương 5, trên cơ sở phân tích định hướng phát triển hoạt động niêm yết chứng khoán trên thị trường nước ngoài, đề tài đã đề xuất lộ trình niêm yết đối với các NHTMCP Việt Nam gồm ba giai đoạn: (i) đánh giá và lựa chọn thị trường mục tiêu, (ii) chuẩn bị và (iii) thực hiện niêm yết. Để thực hiện được theo lộ trình trên, đề tài cũng đã đưa ra một số giải pháp đối với hoạt động niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài đối với NHTMCP Việt Nam cũng như khuyến nghị chính sách đối với cơ quan quản lý có liên quan.

Mục lục

ÁN PHẨM KHOA HỌC

1. Ngân hàng với tăng trưởng xanh

- *Nguồn: Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam*
- *Xuất bản: Tháng 10/2023*
- *Tác giả: PGS.TS. Nguyễn Kim Anh (Chủ biên)*
- *Giới thiệu ấn phẩm:*

Việc chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, đã và đang là mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế. Đây cũng là lựa chọn chính sách trọng tâm của nhiều quốc gia nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó, thể hiện qua những cam kết mạnh mẽ của Chính phủ đối với mục tiêu tăng trưởng xanh. Trong đó, ngành Ngân hàng cũng đã có Kế hoạch hành động của ngành hướng tới mục tiêu chung này. Với những chỉ đạo mạnh mẽ và quyết liệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), nhận thức của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam về tăng trưởng xanh, ngân hàng xanh đã có sự thay đổi rõ rệt. Nhiều tổ chức tín dụng đã xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ là tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn mà còn thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội, khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống. Với mục đích cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về những hoạt động của hệ thống ngân hàng đóng góp cho mục tiêu về tăng trưởng xanh – qua thực tiễn kinh nghiệm từ các nước cũng như tại Việt Nam, Viện Chiến lược ngân hàng đã phối hợp với đối tác nghiên cứu biên soạn và phát hành cuốn sách chuyên khảo với chủ đề: Ngân hàng với tăng trưởng xanh.

Với kết cấu gồm 05 chương, cuốn sách trình bày một cách toàn diện những khuôn khổ lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế về ngân hàng xanh, phản ánh một cách cơ bản thực tiễn triển khai tín dụng xanh, ngân hàng xanh trong ngành Ngân hàng, đồng thời cũng đã đặt ra những vấn đề cần suy ngẫm và tiếp tục giải quyết trong giai đoạn tới. Cụ thể:

Chương 1 trình bày một cách toàn diện những khuôn khổ lý thuyết, tổng quan về ngân hàng với tăng trưởng xanh thông qua các nội dung: (i) tăng trưởng xanh, kinh tế xanh và phát triển bền vững; (ii) tài chính xanh, ngân hàng xanh, ngân hàng bền vững; (iii) vai trò của hệ thống ngân hàng với tăng trưởng xanh.

Chương 2 trình bày kinh nghiệm quốc tế về ngân hàng xanh, bao gồm kinh nghiệm của một số quốc gia và kinh nghiệm của các tổ chức, mạng lưới quốc tế về hoạt động ngân hàng xanh, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Chương 3 giới thiệu về Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam và Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực thi các nhiệm vụ được giao tại Chiến lược. Cụ thể, Chiến lược tăng trưởng xanh tại Việt Nam đã được ban hành lần thứ nhất cho giai đoạn 2011 - 2020 và lần thứ hai cho giai đoạn 2021 - 2030. Qua hai lần ban hành chiến lược đã cho thấy những bước tiến mạnh mẽ về chủ trương định hướng cũng như các mục tiêu mà Việt Nam hướng đến trên con đường tăng trưởng xanh. Bên cạnh đó, ngành Ngân hàng cũng đã kịp thời ban hành các Kế hoạch hành động của ngành để thực thi các nhiệm vụ được giao tại Chiến lược và Kế hoạch hành động nhằm triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh và Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

Chương 4 đề cập đến vai trò của NHTW đối với tăng trưởng xanh, tiếp cận trên hai khía cạnh: một mặt nhằm đáp ứng mục tiêu thực thi các chức năng cốt lõi của NHTW; đồng thời đóng góp vào tăng trưởng xanh của đất nước. Việc hướng tới một ngân hàng trung ương xanh là xu hướng tất yếu, tuy nhiên, cũng đòi hỏi sự đánh đổi nhất định, vì vậy, cần có những cân nhắc và lựa chọn một cách thận trọng.

Chương 5 đề cập đến vai trò của tổ chức tín dụng với tăng trưởng xanh. Lần đầu tiên các thông tin dữ liệu về thực tiễn triển khai ngân hàng xanh tại các ngân hàng Việt Nam được tổng hợp và phân tích chi tiết. Thông qua đó, độc giả có được một bức tranh toàn cảnh và tương đối rõ nét về thực tiễn cũng như xu hướng phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam.

Viện CLNH trân trọng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này.

2. Vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay

- *Nguồn: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật*
- *Xuất bản: Tháng 7/2021*
- *Tác giả: TS. Lưu Thúy Hồng (Chủ biên)*
- *Giới thiệu ấn phẩm:*

Hiện nay, vấn đề an ninh quốc gia không chỉ được hiểu theo nghĩa truyền thống mà còn phải đối mặt với những thách thức phi truyền thống, như an ninh môi trường, an ninh mạng, an ninh lương thực, an ninh khí hậu, an ninh thị trường, an ninh năng lượng, an ninh tiền tệ, an ninh về sở hữu trí tuệ, an ninh công nghệ, an ninh về giáo dục, an ninh về y tế, an ninh tài nguyên - môi trường... Các thách thức an ninh phi truyền thống đặt ra nhiều khó khăn cho công tác quản trị của tất cả quốc gia.

Kể từ sau Chiến tranh lạnh, đặc biệt là đến đầu thế kỷ XXI, trật tự thế giới thay đổi đã dẫn đến những thay đổi trong quan hệ quốc tế: chủ thể ngày càng đa dạng, nguyên tắc hoạt động mới hình thành, cách ứng xử trong quan hệ quốc tế đổi khác. Trong môi trường mới, nhiều vấn đề nổi lên, phát triển nhanh và phức tạp, buộc cả thế giới phải đối mặt và giải quyết, trong đó có các vấn đề an ninh phi truyền thống. Nhu cầu phác họa chính xác bức tranh toàn cảnh và mới nhất về các vấn đề an ninh phi truyền thống (biến đổi khí hậu, cạn kiệt nguồn tài nguyên, tội phạm xuyên quốc gia, di cư bất hợp pháp,...) cũng như tác động của chúng đến quan hệ quốc tế cùng những hướng giải quyết đang khá hữu hiệu trên thế giới giai đoạn đương đại trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

An ninh phi truyền thống tại khu vực Đông Nam Á và Việt Nam có tính chất rất khác so với các khu vực khác trên thế giới, do đây là khu vực có địa chính trị đặc biệt quan trọng, trong đó sự tranh chấp ảnh hưởng giữa các cường quốc là yếu tố chính ảnh hưởng đến toàn khu vực; kết hợp với nội tại khu vực Đông Nam Á là khu vực có nhiều quốc gia đang phát triển, tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn định, dễ tác động đến an ninh quốc gia của mỗi nước. Biểu hiện rõ ràng nhất của an ninh phi truyền thống thời gian vừa qua là cách thức các quốc gia ứng phó với đại dịch Covid-19, khi hầu hết các quốc gia đều

hạn chế tự do đi lại, tiếp xúc, thiết lập các khu cách ly, khu điều trị trên diện rộng, từ đó kéo theo một loạt các vấn đề về an sinh xã hội, phát triển kinh tế, thâm hụt GDP..., dẫn đến nguy cơ mất an ninh quốc gia luôn hiện hữu.

Cuốn sách “Vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay” góp phần nghiên cứu, làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn về các vấn đề an ninh phi truyền thống, phân tích sự tác động của các vấn đề an ninh phi truyền thống dưới 3 cấp độ: cá nhân, quốc gia và hệ thống; đồng thời phân tích 2 trường hợp: vấn đề an ninh phi truyền thống ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á; từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm ứng phó với những tác động của các yếu tố an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay.

Nội dung cuốn sách gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và cách tiếp cận phân tích vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế.

Chương 2: Tác động của các vấn đề an ninh phi truyền thống đến quan hệ quốc tế.

Chương 3: Hướng giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống trong quan hệ quốc tế hiện nay.

Chương 4: Phân tích trường hợp khu vực Đông Nam Á và Việt Nam.

Ra đời trong bối cảnh các vấn đề an ninh phi truyền thống diễn biến khó lường, vấn đề biến đổi khí hậu, cạn kiệt nguồn tài nguyên đang trở nên nghiêm trọng, tình hình tội phạm xuyên quốc gia, khủng hoảng kinh tế - tài chính và di cư xuyên quốc gia bất hợp pháp đang thành vấn nạn toàn cầu, cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo có giá trị cho các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo và độc giả quan tâm.

Viện CLNH trân trọng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này.

[Mục lục](#)

SỰ KIỆN KHOA HỌC

1. Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh tế Việt Nam năm 2023 và triển vọng năm 2024: Thúc đẩy tổng cầu để tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới”

- Thời gian tổ chức: 17/04/2024.
- Địa điểm tổ chức: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Hình thức: Trực tiếp
- Đơn vị thực hiện: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.
- Nội dung:

Ngày 17/4/2024, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân chủ trì, phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và Ủy Ban Kinh tế của Quốc hội tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh tế Việt Nam năm 2023 và triển vọng năm 2024: Thúc đẩy tổng cầu để tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới”, đồng thời công bố Ấn phẩm Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2023.

Hội thảo có sự tham gia của đại diện lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Hội đồng Lý luận Trung ương, đại diện lãnh đạo một số đơn vị Vụ, Cục thuộc Bộ, Ngành Trung ương...; một số chuyên gia kinh tế đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu, NHTM, một số tổ chức quốc tế ADB, WB, ILO, ĐSQ Campuchia...

Phát biểu khai mạc Hội thảo, GS.TS. Phạm Hồng Chương - Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giới thiệu hội thảo quốc gia thường niên phối hợp giữa Trường và Ban Kinh tế Trung ương, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội là một trong những sự kiện khoa học quan trọng nhất của Nhà trường. Theo đó, Hội thảo được tổ chức nhằm đánh giá toàn diện nền kinh tế Việt Nam năm 2023 (thành tựu và những tồn tại, đánh giá nguyên nhân, phân tích cơ hội và thách thức) và nhận định những triển vọng của kinh tế đất nước trong những năm tiếp theo.

Năm 2023 được coi là một trong những năm khó khăn nhất của nền kinh tế Việt Nam trong nhiều năm gần đây, nhất là khi phải đối mặt với nhiều rủi ro và bất ổn từ bối cảnh quốc tế do tăng trưởng toàn cầu suy yếu, lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt ở nhiều nước cũng như căng thẳng địa chính trị gia tăng. Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 vẫn còn xa so với giai đoạn trước Covid-19, trong đó, nổi bật nhất là sự suy yếu của tổng cầu và các thành tố quan trọng của tổng cầu như tiêu dùng, đầu tư, đặc biệt là chất lượng tăng trưởng chưa được cải thiện. Về những thách thức, TS. Nguyễn Đức Hiền – Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương cho rằng sự sụt giảm mạnh từ phía tổng cầu khiến nền kinh tế Việt Nam khó khăn, do cả ba thành phần là đầu tư, xuất khẩu và tiêu dùng đều suy yếu.

Theo ông Shantanu Chakraborty, Giám đốc ADB Việt Nam đề xuất Việt Nam cần phải tăng cường tiêu dùng kết hợp với chính sách tài khóa để tăng cung tiền mặt trong lưu thông. Ông cũng đưa ra những ví dụ cho thấy, trong khu vực, hầu hết các quốc gia giữ vững đà tăng trưởng tốt đều là những quốc gia có thị trường nội địa rất phát triển và mức tiêu thụ nội địa cao. Ông cũng đưa ra khuyến nghị Việt Nam cần bảo đảm đầu tư công đi đúng hướng.

Theo bà Dorsati Madani, Chuyên gia Kinh tế cao cấp WB khuyến nghị, Việt Nam cần tiếp tục hỗ trợ chính sách để thúc đẩy quá trình phục hồi, tiếp tục nỗ lực đẩy nhanh thực hiện đầu tư công, tiếp tục có các chính sách hỗ trợ về lãi suất với các quy định về giãn, hoãn hiệu quả, hợp lý; tăng cường thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước, nâng cao khả năng giám sát của ngân hàng và các tổ chức tín dụng, tăng cường các chế tài xử lý vi phạm cũng như hiệu quả giám sát tới hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng, cơ cấu lại nền kinh tế, cải thiện thể chế và nới lỏng các quy định tiếp cận tài chính theo hướng tinh giản, linh hoạt và an toàn.

Trong phiên thảo luận, các chuyên gia trong nước và quốc tế đã tập trung thảo luận, đánh giá thực trạng nền kinh tế Việt Nam năm 2023, nhận định những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân; phân tích những cơ hội và thách thức trong năm 2024; đánh giá triển vọng kinh tế Việt Nam; từ đó đưa ra những khuyến nghị, chính sách thúc đẩy tổng

cầu, đóng góp vào tăng trưởng một cách bền vững trong bối cảnh mới.

Trong khuôn khổ Hội thảo, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tổ chức họp báo công bố Ấn phẩm Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên năm 2023 với chủ đề “Thúc đẩy tổng cầu để tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới”. Ấn phẩm gồm phần Tóm tắt Báo cáo và phần Báo cáo chính. Phần Tóm tắt báo cáo sẽ tóm tắt lại toàn bộ báo cáo với cách viết không mang tính kỹ thuật, dễ hiểu. Báo cáo chính được cấu trúc gồm ba phần. Phần I nghiên cứu về tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2023; Phần II nghiên cứu về thực trạng tổng cầu và vai trò của tổng cầu trong tăng trưởng; Phần III về triển vọng kinh tế năm 2024 và khuyến nghị chính sách.

Tổng hợp thông tin từ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ Tài chính...

Thông tin hội thảo

Mục lục

2. Hội thảo chuyên đề “Nghề ngân hàng trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo”

- *Thời gian tổ chức: 03/5/2024.*
- *Địa điểm tổ chức: 25 Lý Thường Kiệt, Hà Nội.*
- *Hình thức: Trực tiếp.*
- *Đơn vị thực hiện: Công đoàn Cơ quan Ngân hàng Nhà nước Trung ương.*
- *Nội dung:*

Ngày 03/5/2024 tại Hà Nội, Công đoàn Cơ quan Ngân hàng Nhà nước Trung ương (NHNN) đã tổ chức hội thảo chuyên đề “Nghề ngân hàng trong bối cảnh Trí tuệ nhân tạo”. Về đại diện Lãnh đạo NHNN tham dự hội thảo có ông Phạm Tiến Dũng, Phó Thống đốc NHNN - Phó Trưởng Ban Thường trực Ban chỉ đạo chuyển đổi số ngành Ngân hàng. Ngoài ra, hội thảo có sự tham gia của lãnh đạo các đơn vị thuộc NHNN, các chuyên gia tài chính – ngân hàng...

Trong công cuộc chuyển đổi số ngành ngân hàng, trí tuệ nhân tạo (AI) đóng vai

trò quan trọng và tăng lợi thế cạnh tranh. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI đến năm 2030 với quan điểm tập trung nguồn lực để sáng tạo và phát triển các sản phẩm AI, dịch vụ AI quan trọng mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh. Trong đó, ngành Ngân hàng có nhiệm vụ "Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực ngân hàng: phân tích, dự đoán nhu cầu vay vốn, đối tượng vay vốn, hỗ trợ hoạt động cấp tín dụng; phát hiện các hành vi gian lận; cá nhân hóa các dịch vụ ngân hàng cho khách hàng; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tức thời cho khách hàng thông qua các trợ lý ảo và chatbot".

Theo Phó Thống đốc Phạm Tiến Dũng, để có thể triển khai hiệu quả các định hướng, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, điều quan trọng trước tiên là phải hiểu rõ, nhận thức đúng và có những đánh giá bước đầu về những cơ hội, rủi ro và tác động của công nghệ này mang lại đối với các cơ quan quản lý như NHNN, các TCTD và người lao động ngành Ngân hàng để có những ứng xử, hành động phù hợp.

Trao đổi tại hội thảo, các diễn giả, đại biểu tham dự hội thảo đã chia sẻ, làm rõ các tác động, cơ hội, rủi ro đối với hoạt động của NHTW, TCTD và người lao động trong Ngành. Trên cơ sở đó xác định được các giải pháp để hạn chế rủi ro, tác động tiêu cực và phát huy thế mạnh của AI, trong đó đặc biệt chú trọng đến giải pháp về đào tạo kiến thức, kỹ năng số cho công đoàn viên, người lao động nhằm thích ứng, làm việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu trong môi trường làm việc AI hiện nay.

Thực tế cho thấy, việc tích hợp, ứng dụng các công cụ AI (đặc biệt là Gen AI) ngày càng sâu rộng trong ngành Ngân hàng. Ông Lê Anh Dũng, Phó Vụ trưởng Vụ Thanh toán NHNN chia sẻ, từ hàng chục năm nay, các quy trình nghiệp vụ và hoạt động nội bộ tại các ngân hàng đã và đang được áp dụng các thuật toán học máy để xử lý. Bằng cách ứng dụng kết hợp giữa AI dự đoán Gen AI cùng với kiến thức chuyên môn của con người, các TCTD có thể đạt được hiệu quả tăng cường hơn nữa trong các quy trình nội bộ - lớn hơn rất nhiều so với tác động đơn lẻ của AI dự đoán và Gen AI. Tuy nhiên, thực tế ứng dụng Gen AI vẫn chưa cao. Các ngân hàng chủ yếu ứng dụng AI truyền thống (predictive AI) cho các ứng dụng rủi ro thấp (low-risk) mà chưa triển khai

cho các ứng dụng customer-facing.

Trong tương lai, tiềm năng, cơ hội và tác động của Gen AI đến ngành Ngân hàng và môi trường công việc rất lớn, đặt ra vấn đề cần thiết phải đào tạo nguồn nhân lực ngành Ngân hàng kiến thức, kỹ năng số nói chung và về AI nói riêng. Tương lai và cơ hội của ngành Ngân hàng là làm việc kết hợp với AI, trong đó con người giữ vị trí trung tâm trong mọi mặt triển khai AI từ thiết kế, thực thi, quản lý, giám sát.

Ông Cao Văn Bình – Chủ tịch Công đoàn Cơ quan NHNN Trung ương, Tổng giám đốc Trung tâm Thông tin tin dụng quốc gia Việt Nam (CIC) chia sẻ, CIC là đơn vị thu thập, xử lý và phân tích thông tin, dữ liệu rất lớn của ngành Ngân hàng phục vụ cho đánh giá, xếp hạng tín nhiệm các khách hàng của TCTD. Trong đó, gần 1.400 đơn vị cung cấp dữ liệu, bao gồm tất cả các TCTD và các tổ chức tự nguyện. CIC cũng được đánh giá là đơn vị chuyển đổi số khi hầu hết các quy trình nghiệp vụ, xử lý công việc hàng ngày đều thực hiện trên môi trường số. Tuy nhiên việc ứng dụng công nghệ AI tại CIC vẫn còn hạn chế. Trong thời gian tới CIC tiếp tục nghiên cứu, xây dựng dự án ứng dụng công nghệ AI trong một số quy trình nghiệp vụ.

Ông Nguyễn Quang Hưng – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam (NAPAS) cho rằng, AI mang lại cho chúng ta rất nhiều lợi ích trong mọi hoạt động nghiệp vụ, đặc biệt nâng cao hiệu suất của người lao động. Theo đó người lao động nói chung và người lao động ở NHTW nói riêng cần phải nâng cao kiến thức sử dụng công cụ về AI giúp cho việc thực hiện công việc chuyên môn ngày càng hiệu quả hơn.

Tổng hợp thông tin từ Thời báo Ngân hàng, Viện Chiến lược ngân hàng.

[Thông tin hội thảo](#)

[Mục lục](#)

3. Hội thảo phổ biến kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN: “Ứng dụng phương pháp và hệ thống phân tích lợi nhuận đa chiều trong công tác kế toán quản trị tại các ngân hàng thương mại Việt Nam”

- Thời gian tổ chức: 08/5/2024.
- Địa điểm tổ chức: Hà Nội, Việt Nam.
- Hình thức: Trực tiếp.
- Đơn vị thực hiện: Viện Chiến lược ngân hàng.
- Nội dung:

Ngày 08/5/2024 tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Viện Chiến lược ngân hàng (Viện CLNH) đã tổ chức hội thảo phổ biến kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN: “Ứng dụng phương pháp và hệ thống phân tích lợi nhuận đa chiều trong công tác kế toán quản trị tại các ngân hàng thương mại Việt Nam (NHTM)”, mã số ĐTNH.004/22 do PGS.TS. Nguyễn Minh Phương, Phó Trưởng Bộ môn Kế toán ngân hàng, Học viện Ngân hàng (HVNH) làm chủ nhiệm.

Hội thảo có sự tham gia của đại diện một số đơn vị Vụ, Cục thuộc NHNN, một số tổ chức tín dụng trong nước, công ty kiểm toán quốc tế tại Việt Nam, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đại diện một số đơn vị nghiên cứu trong và ngoài Ngành...

Theo nhóm thực hiện đề tài, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về kế toán quản trị, tuy nhiên, rất ít các sản phẩm đi sâu về phương pháp phân tích lợi nhuận đa chiều (MPA) đang được triển khai tại các NHTM Việt Nam.

Trên thế giới hiện nay, các NHTM đã áp dụng kế toán quản trị từ khá sớm và đạt nhiều thành tựu, ví dụ như: DBS, OCBC, UOB, RBS (Singapore), Westpac, Macquarie (Australia), Sumitrust, Johnan Shinkin (Nhật Bản)... đã triển khai hệ thống MPA từ đầu những năm 2000. Tại Hội thảo, nhóm nghiên cứu đã trình bày một số bài học kinh nghiệm về ứng dụng MPA tại các ngân hàng trên thế giới như sau: (i) yêu cầu ngày càng cao về thông tin tài chính phục vụ quản trị điều hành là không tránh khỏi; (ii) xu hướng lấy khách hàng làm trung tâm, quản trị tập trung theo chiều dọc, định hướng theo khách hàng, sản phẩm và dịch vụ; (iii) nhu cầu nhìn nhận đa chiều về thực trạng hiệu quả hoạt động để từ đó tác động đến công tác quản trị điều hành; (iv) tiêu thức phân bổ cần đơn giản, dễ hiểu, dễ đo lường; (v) đảm bảo sự đồng thuận của các đơn vị trong

phân bổ chi phí.

Trao đổi tại Hội thảo, nhóm nghiên cứu nhận định: từ phía quản lý nhà nước, các cơ quan quản lý, giám sát tài chính quốc gia luôn nỗ lực hoàn thiện hệ thống quy định cùng những công cụ kiểm soát đồng bộ, sắc bén, đặc biệt là hệ thống thông tin tài chính, kế toán tăng cường khả năng cảnh báo, đánh giá chất lượng và mức độ rủi ro hoạt động của hệ thống NHTM.

Bên cạnh đó, tại chính các NHTM, hệ thống thông tin quản trị cũng được các nhà quản trị quan tâm, đầu tư và hoàn thiện đầu tiên. Mức độ phát triển và mức độ hiện đại hóa hệ thống kế toán trong các NHTM luôn được đánh giá cao hơn kế toán doanh nghiệp lĩnh vực khác và có sự phân hóa giữa các NHTM với nhau phụ thuộc vào nhận thức của nhà quản trị, quy mô, chất lượng hoạt động cũng như năng lực và chiến lược phát triển của mỗi NHTM. Hội thảo có sự trao đổi, thảo luận từ các NHTM, công ty kiểm toán về thực tiễn ứng dụng MPA tại Việt Nam.

Nhóm nghiên cứu trình bày tại hội thảo cũng đưa ra các gợi ý về chính sách nhằm phát triển phân tích lợi nhuận đa chiều, tiêu biểu là nhóm giải pháp mang tính định hướng, chiến lược từ NHNN; giải pháp về dữ liệu; giải pháp về đào tạo; giải pháp về tài chính; giải pháp về nhân lực... Trao đổi thảo luận tại hội thảo, các đại biểu đã chia sẻ một số vấn đề như: đánh giá nhu cầu quản trị; đánh giá thực trạng dữ liệu và phân tích các chênh lệch đáp ứng; ứng dụng kết quả hệ thống MPA vào các hoạt động quản trị NHTM...

Tổng hợp thông tin từ Thời báo Ngân hàng, Website Ngân hàng Nhà nước và Viện Chiến lược ngân hàng.

[Thông tin hội thảo](#)

[Mục lục](#)

4. Sự kiện Ngày Chuyển đổi số ngành Ngân hàng năm 2024 với chủ đề: “Mở rộng kết nối và phát triển hệ sinh thái số”

Thời gian tổ chức: 08/5/2024.

Địa điểm tổ chức: Hà Nội, Việt Nam.

Hình thức: Trực tiếp.

Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nội dung:

Ngày 08/5/2024, tại Hà Nội đã diễn ra sự kiện Ngày Chuyển đổi số ngành Ngân hàng năm 2024 với chủ đề “Mở rộng kết nối và phát triển hệ sinh thái số”. Sự kiện do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) chủ trì; Thời báo Ngân hàng, Vụ Thanh toán và Vụ Truyền thông (NHNN) phối hợp tổ chức. Đây là sự kiện lớn nhất trong năm 2024 liên quan đến chuyển đổi số của ngành Ngân hàng khẳng định quyết tâm của Ngành trong triển khai hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tham dự sự kiện có Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và đại diện lãnh đạo một số bộ, ngành. Về phía ngành Ngân hàng có sự tham dự của Thống đốc Nguyễn Thị Hồng, Phó Thống đốc Phạm Tiến Dũng cùng lãnh đạo, đại diện một số Vụ, Cục, đơn vị thuộc NHNN, công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS), các tổ chức tín dụng (TCTD), trung gian thanh toán, các hiệp hội trong Ngành, một số trường đại học, các đơn vị, chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước cùng một số tổ chức quốc tế...

Tại phiên buổi sáng, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã tham quan 16 gian trưng bày, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ mới nhất của các ngân hàng, trung gian thanh toán, công ty công nghệ. Phát biểu tại sự kiện, Thủ tướng cho biết: “Mục tiêu của chuyển đổi số quốc gia là 3 trụ cột: chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Năm nay, Chính phủ lựa chọn chủ đề chuyển đổi số quốc gia là “Phát triển kinh tế số với 4 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững”. Theo đó, Chính phủ đặt trọng tâm cho việc phát triển kinh tế số, coi đây là trụ cột quan trọng, làm đòn bẩy để thúc đẩy các mục tiêu Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

Ngành Ngân hàng với vai trò là huyết mạch của nền kinh tế, có tác động hàng ngày đến hoạt động của người dân, doanh nghiệp và các lĩnh vực trong nền kinh tế. Bởi vậy, Đảng, Chính phủ luôn quan tâm và xác định ngân hàng là lĩnh vực cần ưu tiên, tiên phong trong chuyên đổi số. Chủ đề NHNN đã lựa chọn cho Ngày Chuyên đổi số ngành Ngân hàng năm 2024 về “Mở rộng kết nối và phát triển hệ sinh thái số” phù hợp với quan điểm, định hướng của Đảng, Chính phủ và chủ đề của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2024.

Phát biểu khai mạc Sự kiện, Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng cho biết, với chủ đề “Mở rộng kết nối và phát triển hệ sinh thái số”, Sự kiện “Ngày Chuyển đổi số ngành Ngân hàng 2024” đưa ra bức tranh tổng quan về kết quả triển khai chuyển đổi số ngành Ngân hàng thời gian qua và sự kết nối chặt chẽ giữa ngành Ngân hàng với các ngành, lĩnh vực khác để phát triển hệ sinh thái số cũng như quá trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho người dân, doanh nghiệp một cách tự động, nhanh chóng, an toàn với chi phí hợp lý.

Trong năm 2023, NHNN đã đẩy mạnh công tác số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động quản lý, điều hành tiền tệ - ngân hàng của NHNN; kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành dựa trên nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung. Nhiều mục tiêu đã tiệm cận hoặc vượt mục tiêu đặt ra đến năm 2025: Tại NHNN, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công toàn trình và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trên 90% hồ sơ công việc được xử lý và lưu trữ. NHNN cũng là một trong những đơn vị tiên phong trong triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06). Hiện nay, NHNN đang nghiên cứu xây dựng Thông tư quy định về triển khai Open API trong ngành Ngân hàng để thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu, cung cấp các dịch vụ mới phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có 80% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường số, 55% nghiệp vụ ngân hàng số hóa hoàn toàn, 49% khách hàng

sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, 66% số lượng giao dịch của khách hàng thực hiện trên kênh số; 17 TCTD đã số hóa hoàn toàn với các khoản vay cá nhân, nhỏ lẻ. Giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) qua các kênh như Mobile, Internet, QR code tiếp tục tăng trưởng trên 100%/năm. Báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng, tham luận của một số TCTD cho thấy những thành quả và bước tiến mạnh mẽ trong hoạt động chuyển đổi số ngành Ngân hàng. Bên cạnh đó, những trải nghiệm trực tiếp tại các gian hàng trưng bày sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, các giải pháp ứng dụng công nghệ mới hôm nay cho thấy chuyển đổi số ngân hàng đã mang lại nhiều tiện ích cho người dân, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác quản lý tài chính, minh bạch dòng tiền và qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Những sản phẩm dịch vụ này gắn chặt chẽ với đời sống hằng ngày của người dân, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ghi nhận và biểu dương ngành Ngân hàng đã bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, có sự phối hợp tốt với các bộ, ngành, cơ quan liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp với nhiều mục tiêu cụ thể và đã đạt được những thành quả tích cực, đóng góp chung vào công cuộc chuyển đổi số quốc gia.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, chuyển đổi số là một hành trình dài và trước mắt vẫn còn nhiều thách thức về công tác đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, cập nhật, thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ... Để tiếp tục phát huy được những kết quả đã đạt được trong thời gian tới, vượt qua các thách thức và tiếp tục giữ vững vị trí là một trong những bộ, ngành, lĩnh vực đi đầu trong chuyển đổi số, trên cơ sở kinh nghiệm triển khai thời gian qua, Thủ tướng nêu rõ 3 mục tiêu thời gian tới của chuyển đổi số ngành Ngân hàng: Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp, đơn vị hành chính - sự nghiệp tiếp cận thuận lợi nhất, tốt nhất với tất cả các dịch vụ ngân hàng; góp phần tiết giảm chi phí về thời gian, vật chất, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, đơn vị hành chính-sự nghiệp và bản thân hệ thống ngân hàng; góp phần đắc lực, hiệu quả kiểm soát rủi ro, ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực, phiền hà, sách nhiễu.

Về nhiệm vụ, giải pháp chung trong thời gian tới, Thủ tướng chỉ rõ "5 đẩy mạnh" gồm: (i) Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý đầy đủ để thúc đẩy phát triển, mở rộng, đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, tuân thủ chuẩn mực quốc tế, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái ngân hàng số, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế; (ii) Đẩy mạnh phát triển hạ tầng thanh toán điện tử, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tạo nền tảng quan trọng cho phát triển hệ sinh thái ngân hàng số, nền kinh tế số; (iii) Đẩy mạnh chuyên đổi số trong hỗ trợ công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, nhằm tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, rửa tiền; (iv) Đẩy mạnh phát triển nhân lực số ngành ngân hàng, nhất là nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành ngân hàng; (v) Đẩy mạnh an ninh, an toàn trong thanh toán, bảo vệ dữ liệu cá nhân, áp dụng tiêu chuẩn bảo mật mới, bảo đảm thanh toán nhanh chóng, an toàn, tiện lợi và chi phí hợp lý.

Tổng hợp thông tin từ Thời báo Ngân hàng, Tạp chí Ngân hàng, Website Ngân hàng Nhà nước, Viện Chiến lược ngân hàng, Báo điện tử của Chính phủ, Ban Tuyên giáo Trung ương, Báo Lao động...

THƯ MỜI VIẾT BÀI VÀ THAM DỰ HỘI THẢO, TỌA ĐÀM

1. Hội thảo quốc tế lần thứ bảy “Các vấn đề đương đại trong kinh tế, quản trị và kinh doanh” (7th CIEMB 2024).

- Thời gian: dự kiến ngày 17-18/10/2024.
- Thời gian nhận bài viết: 16/8/2024.
- Ngôn ngữ sử dụng trong hội thảo: Tiếng Anh.
- Hình thức tổ chức: Trực tiếp.
- Địa điểm tổ chức: Hà Nội.
- Đơn vị tổ chức: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp với Đại học Quốc gia Úc.
- Nội dung:

Hội thảo sẽ tiếp nhận tất cả các bài viết có tính học thuật và thực nghiệm với chủ đề thuộc kinh tế học, quản trị và kinh doanh (nhưng không giới hạn):

(i) Các chủ đề kinh tế học thuộc các ngành/lĩnh vực: kinh tế nông nghiệp và tài nguyên; tài chính chính phủ; kinh tế y tế; công nghiệp hóa; kinh tế tài chính; kinh tế quốc tế; kinh tế lao động; phát triển nông thôn; phát triển vùng; kinh tế phúc lợi; phát triển bền vững; kinh tế năng lượng; kinh tế phát triển; kinh tế môi trường; luật & kinh tế; kinh tế vi mô; kinh tế vĩ mô; kinh tế chính trị; kinh tế du lịch; kinh tế mới nổi; chính sách tiền tệ và tài khóa; kinh tế lượng ứng dụng; công nghiệp sáng tạo.

(ii) Các chủ đề quản trị và kinh doanh thuộc các ngành/lĩnh vực: kế toán và kiểm toán; du lịch và khách sạn; kinh doanh giải trí, thể thao và sự kiện; bất động sản; kinh tế và quản lý nhân sự; hệ thống thông tin kinh tế; thương mại; quản trị chi phí; quản trị hiệu quả kinh doanh; thống kê; quản trị truyền thông; tài chính doanh nghiệp; phát triển tổ chức; nhân sự; hệ thống thông tin; quản lý công nghệ thông tin; bảo hiểm; thương mại và tài chính quốc tế; quản trị vận hành; đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; quản trị nhân sự; hệ thống thông tin quản trị; quản trị nguồn lực; logistics; tài chính và đầu tư; ngân hàng; marketing.

Theo trang tin Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Thông tin hội thảo

Mục lục

2. Hội thảo khoa học quốc gia “Đổi mới mô hình quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vì mục tiêu phát triển bền vững”.

- Thời gian: Dự kiến ngày 15/8/2024.
- Thời gian nhận bài viết: 14/7/2024.
- Hình thức tổ chức: Trực tiếp.
- Ngôn ngữ sử dụng trong hội thảo: Tiếng Việt.
- Địa điểm tổ chức Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Tp. Đà Nẵng.
- Đơn vị tổ chức: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp với Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng và Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
- Nội dung:

Hội thảo sẽ tập trung vào các chủ đề sau:

- Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Kinh nghiệm quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các quốc gia trên thế giới và bài học cho Việt Nam;
- Mô hình quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các địa phương;
- Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Mô hình và cơ chế quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học sau nghiệm thu;
- Mô hình và cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia;

- Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng và địa phương;
- Vai trò của các thành tố trong hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Thu hút nguồn vốn cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Nguồn lực con người cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Quan điểm, định hướng và các giải pháp hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- Và các vấn đề khác liên quan đến chủ đề của hội thảo.

Theo trang tin Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Thông tin hội thảo

Mục lục

3. Hội nghị Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) về ổn định tài chính và chính sách an toàn vĩ mô năm 2024:.

- Thời gian: dự kiến ngày 20-21/11/2024. .
- Thời gian nhận bài viết: 15/6/2024.
- Hình thức tổ chức: Trực tiếp.
- Địa điểm tổ chức: Frankfurt, Đức.
- Đơn vị tổ chức: Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) phối hợp với Tạp chí Ổn định Tài chính (Đại học Fordham, Mỹ).
- Nội dung:

Hội thảo sẽ tập trung vào các chủ đề sau:

- (i) Đo lường sự ổn định tài chính: những phương pháp và chỉ số nào đưa ra cảnh

báo sớm về tình trạng bất ổn tài chính;

(ii) Xác định rủi ro đối với sự ổn định tài chính; sự tương tác giữa các chính sách trong ổn định tài chính;

(iii) Xác định mức vốn ngân hàng tối ưu để có thể xử lý cả rủi ro mang tính đặc thù và rủi ro hệ thống đối với sự ổn định tài chính;

(iv) Chính sách tiền tệ có phải là yếu tố then chốt cho sự ổn định tài chính trong cả thời kỳ bình thường và thời kỳ khủng hoảng? Đánh giá sự tương tác của chính sách tiền tệ với chính sách an toàn vĩ mô, đặc biệt trong Liên minh Tiền tệ Châu Âu;

(v) Những bài học từ chính sách an toàn vĩ mô; những công cụ đảm bảo khả năng phục hồi của hệ thống tài chính và hạn chế tính thuận chu kỳ;

Theo trang tin Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB).

[Thông tin hội thảo](#)

[Mục lục](#)

THÔNG TIN THAM KHẢO**Danh mục
Bản tin nghiên cứu khoa học**

- [Bản tin NCKH tháng 04-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 05-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 06-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 07-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 08-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 09-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 10-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 11-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 12-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 01-2024](#)
- [Bản tin NCKH tháng 02-2024](#)
- [Bản tin NCKH tháng 03-2024](#)
- [Bản tin NCKH tháng 04-2024](#)

**Danh mục
Bản tin kinh tế vĩ mô**

- [Bản tin KTVM tháng 04-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 05-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 06-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 07-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 08-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 09-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 10-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 11-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 12-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 01&02-2024](#)
- [Bản tin KTVM tháng 03-2024](#)
- [Bản tin KTVM tháng 04-2024](#)